

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
HUYỆN THẠCH THẮT, TP.HÀ NỘI

Thạch Thất, năm 2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
HUYỆN THẠCH THẮT, TP.HÀ NỘI

Ngày ... tháng... năm 202
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày ... tháng... năm 202
ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THẮT
(Ký tên, đóng dấu)

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Sự cần thiết.....	1
2. Mục đích	2
3. Căn cứ pháp lý	2
4. Cơ sở thông tin, tư liệu bản đồ.....	6
5. Bố cục báo cáo	6
6. Sản phẩm của Dự án.....	6
Phần thứ nhất	8
KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI.....	8
I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI.....	8
1. Điều kiện tự nhiên	8
1.1. Vị trí địa lý kinh tế	8
1.2. Địa hình, địa mạo	9
1.3. Khí hậu.....	9
1.4. Thủy văn	10
2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên	11
2.1. Tài nguyên đất.....	11
2.2. Tài nguyên nước.....	12
2.3. Tài nguyên rừng.	13
2.4. Tài nguyên khoáng sản.....	13
2.5. Tài nguyên nhân văn.	14
2.6. Phân tích hiện trạng môi trường.....	14
3. Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.....	16
3.1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.....	16
3.2. Khu vực kinh tế công nghiệp - xây dựng	18
3.3. Khu vực sản xuất nông, lâm nghiệp – thủy sản.....	20
3.4. Khu vực thương mại – dịch vụ - du lịch	22
3.5. Công tác Văn hóa – thông tin thể thao	23
4. Về thực trạng xã hội	24
4.1. Công tác Giáo dục đào tạo.....	24
4.2. Công tác quản lý đất đai, môi trường.....	24
5. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng.....	27
5.1. Hệ thống giao thông	27
5.2. Hệ thống cấp nước.....	27
5.3. Hiện trạng thoát nước, quản lý chất thải rắn	28
6. Đánh giá về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội.	28
6.1. Những mặt lợi thế.....	28

6.2. Những khó khăn.....	29
Phần thứ hai	32
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC	32
2.1. Đánh giá kết quả đạt thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024	32
2.1.1. Hiện trạng sử dụng đất.....	32
2.1.2. Kết quả thực hiện công trình, dự án trong Kế hoạch 2024	34
2.1.3. Kết quả thực hiện chỉ tiêu sử dụng đất trong Kế hoạch 2024	35
2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước...	39
2.2.1. Những mặt tích cực	39
2.2.2. Mặt tồn tại	40
2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.....	41
Phần thứ ba	42
LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025	42
3.1. Định hướng phát triển kinh tế - xã hội năm 2025.....	42
3.2. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất và xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất trong nhóm đất.	43
3.2.1. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại Khoản 4 Điều 67 Luật đất đai.....	45
3.2.2. Chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai thực hiện trong năm kế hoạch sử dụng đất.	46
3.2.3. Chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất không thuộc trường hợp thu hồi đất thực hiện trong năm kế hoạch sử dụng đất.....	52
3.2.4. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã năm 2025.	54
a). Đất nông nghiệp.....	57
b). Đất phi nông nghiệp.....	60
c). Đất chưa sử dụng.....	65
3.4. Diện tích đất cần chuyển mục đích trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025.	65
3.5. Diện tích đất cần thu hồi trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025.	67
3.6. Danh mục công trình dự án trong năm kế hoạch năm 2025.	68
3.7. Dự kiến các khoản thu chi liên quan đến đất đai trong năm 2025	68
GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	70
4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu.	70
4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất	71
4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất...	72
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	74

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Sự cần thiết

Trong tình hình hiện nay, trước sự đổi mới mạnh mẽ của nền kinh tế theo hướng phát triển đô thị thông minh, công nghiệp hiện đại, bảo tồn văn hóa, phát triển con người gắn liền với bảo vệ cảnh quan môi trường sinh thái, đảm bảo an ninh trật tự, công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất có ý nghĩa hết sức quan trọng, giúp cho các cấp, các ngành sắp xếp, bố trí, sử dụng đất một cách hợp lý. Qua đó, vừa đáp ứng được yêu cầu bố trí quỹ đất cho sự phát triển vừa tránh được sự chồng chéo, sử dụng đất sai mục đích gây lãng phí, hủy hoại môi trường đất. Đồng thời quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất yêu cầu bảo vệ được cảnh quan thiên nhiên và môi trường sinh thái, góp phần thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Do vậy, việc thực hiện công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một yêu cầu mang tính cấp bách và là căn cứ để hoạch định mục tiêu phát triển toàn diện của các ngành trong giai đoạn đến năm 2030.

Kế hoạch sử dụng đất cần tạo ra những điều kiện cần thiết phục vụ trong quản lý nhà nước về đất đai. Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một trong những nội dung quan trọng trong quản lý đất đai đã được quy định trong Luật đất đai năm 2024, Luật Đất đai quy định quyền của đại diện chủ sở hữu về đất đai là “Quyết định mục đích sử dụng đất thông qua quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất” Luật cũng nêu rõ nguyên tắc sử dụng đất phải đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy định căn cứ để giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất phải dựa vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Thực hiện quy định của Luật đất đai năm 2024; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất..

Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Thạch Thất được Hội đồng nhân dân huyện Thạch Thất thông qua tại Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 12/11/2021 và được UBND thành phố Phê duyệt tại Quyết định số 5151/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc Phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Thạch Thất. Trên cơ sở Quy hoạch sử dụng đất được duyệt, hàng năm UBND huyện Thạch Thất đã xây dựng kế hoạch sử dụng và được thông qua HĐND thành phố cũng như được UBND

Thành phố quyết định phê duyệt theo quy định.

Thực hiện chỉ đạo của sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 8457/STNMT-QHKHSDĐ ngày 24/10/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc đăng ký lập danh mục các công trình, dự án thu hồi đất năm 2025; danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất trên địa bàn Thành phố và Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 cấp huyện. Trên cơ sở đó, UBND huyện Thạch Thất ban hành Văn bản số 1971/UBND-TNMT ngày 30/9/2024 về việc đăng ký danh mục công trình, dự án thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Thạch Thất.

2. Mục đích

Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn huyện Thạch Thất;

Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

Khoanh định, phân bổ đất đai phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện Thạch Thất, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của Huyện đã được UBND Thành phố phê duyệt;

Tạo ra cơ sở nhằm phối hợp đồng bộ giữa các ngành, các cấp trong quá trình quản lý, điều hành phù hợp với quy hoạch đề ra;

Cung cấp các thông tin về hiện trạng và kế hoạch sử dụng đất cho các nhà đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư, phát triển kinh tế, xã hội.

3. Căn cứ pháp lý

- Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai số 31/2024/QH14; Luật nhà ở số 27/2023/QH15, Luật kinh doanh bất động sản số 29/2024/QH15; Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;

- Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ về việc Quy định giá đất;

- Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

- Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ về việc Quy định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

- Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ về việc Quy định về quỹ phát triển đất;

- Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Quyết định 497/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Hòa Lạc, thành phố Hà Nội đến năm 2030, tỷ lệ 1/10.000;

- Quyết định 705/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt quy hoạch chung đô thị Hòa Lạc, thành phố Hà Nội đến năm 2030, tỷ lệ 1/10.000;

- Quyết định số 5785/QĐ-UBND ngày 07/11/2014 của UBND thành phố Hà Nội về việc Phê duyệt quy hoạch chung huyện Thạch Thất đến năm 2030;

- Quyết định 6123/QĐ-UBND ngày 21/11/2014 của UBND thành phố Hà Nội về việc Phê duyệt quy hoạch chung thị trấn Liên Quan, tỷ lệ 1/5000;

- Quyết định 3486/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Thạch Thất;

- Quyết định 1571/QĐ-UBND ngày 27/3/2020 của UBND huyện Thạch Thất về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 khu trung tâm xã và điểm dân cư khu trung tâm xã Đại Đồng, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội;

- Quyết định 1572/QĐ-UBND ngày 27/3/2020 của UBND huyện Thạch Thất về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 khu trung tâm xã và điểm dân cư thôn Thái Hòa, thôn Phú Hòa xã Bình Phú, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội;

- Quyết định 2967/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 của UBND huyện Thạch Thất về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 khu trung tâm xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội;

- Quyết định 2989/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 của UBND huyện Thạch Thất về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 khu trung tâm xã và điểm dân cư Gò Chằm, xã Đồng Trúc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội;

- Quyết định 2990/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 của UBND huyện Thạch Thất về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 khu trung tâm xã và điểm dân cư Đồng Dâu và Cửa Quán – Ông Voi, xã Kim Quan, huyện

Thạch Thất, thành phố Hà Nội;

- Quyết định 2991/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 của UBND huyện Thạch Thất về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 khu trung tâm xã và điểm dân trung tâm xã Lại Thượng, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội;

- Quyết định 2992/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 của UBND huyện Thạch Thất về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 khu trung tâm xã và điểm dân cư khu Mả Quang, Khu Đồng Xiêm xã Cẩm Yên, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội;

- Quyết định 2993/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 của UBND huyện Thạch Thất về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 khu trung tâm xã và điểm dân cư trung tâm, điểm dân cư Yên Lạc 1 và điểm dân cư Phú Lễ, xã Cần Kiệm, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội;

- Quyết định 3013/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 của UBND huyện Thạch Thất về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 khu trung tâm xã và điểm dân cư khu trung tâm xã Yên Trung, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội;

- Quyết định 3014/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 của UBND huyện Thạch Thất về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 khu trung tâm xã và điểm dân cư Đồng Mo – Đồng Đuôi, khu Câu Giáo xã Tân Xã, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội;

- Quyết định 3250/QĐ-UBND ngày 17/7/2020 của UBND huyện Thạch Thất về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 khu trung tâm xã và điểm dân cư thôn Bách Kim và thôn Thúy Lai xã Phú Kim, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội;

- Quyết định 3251/QĐ-UBND ngày 17/7/2020 của UBND huyện Thạch Thất về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 khu trung tâm xã và điểm dân cư trung tâm xã, khu Sau Dộc – Đồng Lác, khu Đồng Sau xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội;

- Quyết định 3471/QĐ-UBND ngày 05/9/2019 của UBND huyện Thạch Thất về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 khu trung tâm xã và điểm dân cư khu trung tâm xã Hương Ngải, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội;

- Quyết định 5065/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND huyện Thạch Thất về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 khu trung tâm xã và điểm dân cư khu Đồng Định xã Dị Nậu, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội;

- Quyết định 6144/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện Thạch

Thất về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 khu trung tâm xã Bình Yên, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội;

- Quyết định 6145/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện Thạch Thất về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 khu trung tâm xã và điểm dân cư khu trung tâm xã Chàng Sơn, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội;

- Quyết định 6147/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện Thạch Thất về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 khu trung tâm xã và điểm dân cư khu Ao Sen xã Canh Nậu, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội;

- Quyết định 7317/QĐ-UBND ngày 06/12/2017 của UBND huyện Thạch Thất về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 khu trung tâm xã Hữu Bằng, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội;

- Quyết định 2531/QĐ-UBND ngày 08/6/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung thị trấn Liên Quan;

- Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025;

- Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 28/9/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Thạch Thất về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện Thạch Thất giai đoạn 2021-2025;

- Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc Thông qua danh mục các công trình, dự án thu hồi đất năm 2025; Danh mục các dự án chuyển mục đích đất trồng lúa trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 12/11/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Thạch Thất về việc Thông qua Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Thạch Thất;

- Quyết định số 5151/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc Phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Thạch Thất.

- Quyết định số 424/QĐ-UBND ngày 22/01/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thạch Thất;

- Quyết định số 2092/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thạch Thất;

- Quyết định số 3914/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thạch Thất;

- Thực hiện Công văn số 8457/STNMT-QHKHSDD ngày 24/10/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc đăng ký lập danh mục các công trình, dự án thu hồi đất năm 2025; danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất trên địa bàn Thành phố và Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 cấp huyện.

Trên cơ sở nhu cầu sử dụng đất của các xã, các ban, ngành, quốc phòng, an ninh, các cơ sở doanh nghiệp trên địa bàn. UBND huyện đã tiến hành lập: “Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Thạch Thất”.

4. Cơ sở thông tin, tư liệu bản đồ

- Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Thạch Thất được UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định số 5151/QĐ-UBND ngày 07/12/2021.

- Quyết định số 4275/QĐ-UBND ngày 26/9/2012 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Thạch Thất đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

- Hiện trạng sử dụng đất, kế hoạch phát triển và nhu cầu sử dụng đất năm 2024 của các ngành;

- Quy hoạch chung xây dựng huyện Thạch Thất; quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu trung tâm xã;

- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025 huyện Thạch Thất;

- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 huyện Thạch Thất;

- Quy hoạch xây dựng nông thôn mới của các xã thuộc huyện Thạch Thất

- Bản đồ hiện trạng thống kê đất đai năm 2023 huyện Thạch Thất;

- Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 huyện Thạch Thất.

5. Bố cục báo cáo

Bố cục báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội. Ngoài phần đặt vấn đề, kết luận và kiến nghị bao gồm các nội dung chính sau:

- Phần thứ nhất: Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội.

- Phần thứ hai: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.

- Phần thứ ba: Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

- Phần thứ tư: Giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

6. Sản phẩm của Dự án

- Quyết định của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Thạch Thất.

- Báo cáo “kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Thạch Thất” (trong đó có cả biểu số liệu kèm theo) và các báo cáo chuyên đề.

Các báo cáo chuyên đề gồm: (1) chuyên đề về đất trồng lúa; (2) chuyên đề về 3 loại đất rừng; (3) chuyên đề về đất nuôi trồng thủy sản; (4) chuyên đề về đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; (5) chuyên đề về đất thương mại - dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; (6) chuyên đề về đất đô thị; (7) chuyên đề về đất giao thông; (8) chuyên đề về đất thủy lợi; (9) chuyên đề về khu sản xuất nông nghiệp; (10) chuyên đề về khu lâm nghiệp; (11) chuyên đề về khu du lịch; (12) chuyên đề về khu phát triển công nghiệp; (13) chuyên đề về khu đô thị; (14) chuyên đề về khu thương mại - dịch vụ; (15) chuyên đề về khu dân cư nông thôn.

- Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Thạch Thất, tỷ lệ 1/10.000, gồm:

Bản đồ chuyên đề kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Thạch Thất (thể hiện các khu vực dự kiến chuyển mục đích sử dụng đất, khu vực dự kiến Nhà nước thu hồi đất trong năm kế hoạch trên nền bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện);

Bản vẽ vị trí, ranh giới, diện tích các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng năm 2025 (trên nền bản đồ địa chính hoặc bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã);

- Đĩa CD ghi dữ liệu báo cáo, bản đồ, danh mục nêu trên.

Phần thứ nhất

KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1. Điều kiện tự nhiên

1.1. Vị trí địa lý kinh tế

Thạch Thất là huyện ngoại thành nằm phía Tây Bắc thành phố Hà Nội, cách trung tâm thành phố 25 km, là vùng bán sơn địa, có tọa độ địa lý từ: 20° 58'23" đến 21° 06'10" vĩ độ bắc và 10° 27'54" đến 105° 38'22" kinh độ đông.

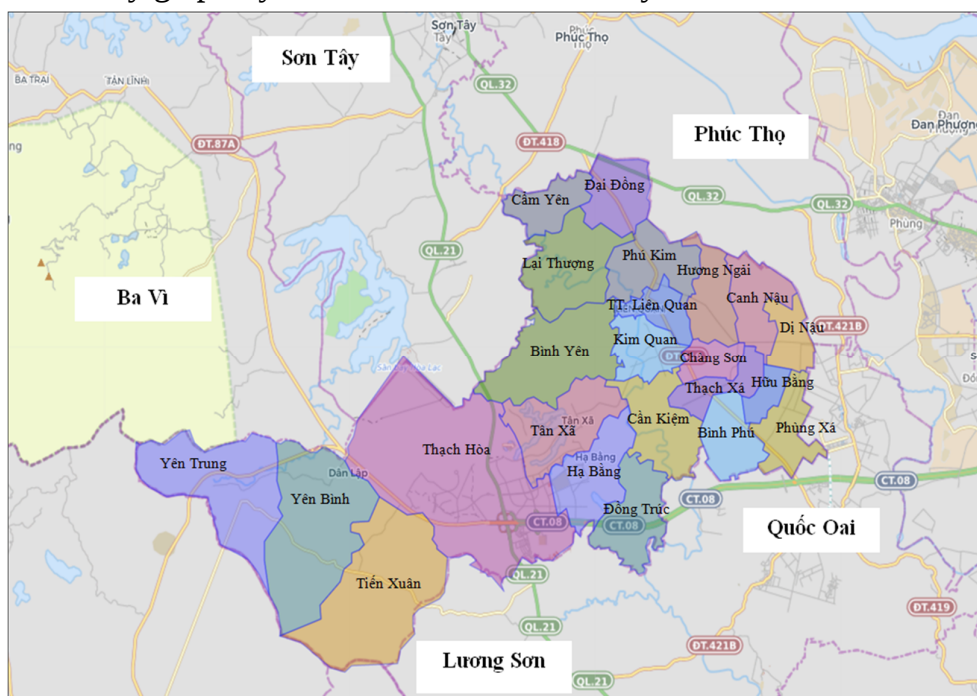
Địa giới hành chính của huyện được xác định như sau:

Phía Bắc giáp huyện Phúc Thọ.

Phía Đông giáp huyện Phúc Thọ, Quốc Oai.

Phía Nam giáp huyện Quốc Oai, huyện Lương Sơn (tỉnh Hoà Bình).

Phía Tây giáp huyện Ba Vì và thị xã Sơn Tây.



Thị trấn Liên Quan là trung tâm kinh tế - hành chính của huyện cách trung tâm thủ đô 40m về phía Đông Nam, cách thị xã Sơn Tây khoảng 13 km.

Thạch Thất có vị trí thuận lợi do ở gần các trung tâm kinh tế và thị trường lớn như quận Hà Đông và các quận nội thành của thủ đô Hà Nội, thị xã Sơn Tây, trên địa bàn có Khu Công nghệ cao Hoà Lạc, Đại học Quốc gia đã hình thành và nằm trong khu đô thị vệ tinh Hòa Lạc và được Thành phố định hướng phát triển với tên gọi Thành phố phía Tây của Thủ đô Hà Nội. Huyện Thạch Thất hiện đang là địa bàn đầu tư trọng điểm và trong tương lai sẽ trở thành địa phương có

nền kinh tế công nghiệp, du lịch, khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo, có vai trò quan trọng trong việc cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các thị trường lớn xung quanh. Vị trí địa lý cũng tạo tiềm năng cho Thạch Thát phát triển du lịch, dịch vụ với các loại hình: du lịch tâm linh, du lịch sinh thái kết hợp nghỉ cuối tuần... thu hút khách du lịch từ các khu đô thị lân cận.

1.2. Địa hình, địa mạo

Huyện Thạch Thát nằm trong vùng đồng bằng Bắc bộ, nhưng cũng là khu vực chuyển tiếp giữa vùng núi và trung du phía Bắc với vùng đồng bằng. Nhìn chung địa hình thấp dần từ Tây sang Đông và chia thành ba dạng địa hình chính:

- Dạng địa hình đồi núi thấp: bao gồm 3 xã phía tây, giáp với tỉnh Hoà Bình (chuyển từ huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình về năm 2008), chiếm 29% diện tích toàn huyện, độ dốc địa hình tuy không lớn nhưng so với các vùng khác trong huyện là lớn hơn nhiều. Giữa những dãy đồi núi thấp là cánh đồng khá rộng, nơi sản xuất nông nghiệp của nhân dân. Đồi và núi thấp xen với các cánh đồng tạo cảnh quan đẹp là tiềm năng lớn để phát triển các khu du lịch, đô thị sinh thái...

- Dạng địa hình bán sơn địa, đồi gò: bao gồm 8 xã phía Tây huyện, bên bờ phải sông Tích, chiếm 46% diện tích toàn huyện. Độ cao trung bình so với mặt biển của vùng này từ 10m - 15m. Trong vùng có nhiều đồi độc lập, thấp, thoải, độ dốc trung bình 3^0 - 8^0 , đã hình thành nhiều hồ thủy lợi nhỏ và vừa, tiêu biểu là hồ Tân Xã. Đất phát triển trên nền đá đã phong hoá nhiều nơi có lớp đá ong ở tầng sâu 20cm - 50cm.

- Dạng địa hình đồng bằng: gồm 12 xã, thị trấn phía đông của huyện, bên bờ trái sông Tích, chiếm 25% diện tích toàn huyện. Địa hình khá bằng phẳng, độ cao địa hình trung bình dao động trong khoảng từ 5m - 10 m so với mặt nước biển. Nền địa chất khá đồng nhất, tầng đất hầu hết dày trên 1m, thỉnh thoảng có nơi xuất hiện đá ong ở tầng sâu. Đây là vùng thâm canh lúa tập trung của huyện, có hệ thống kênh mương lấy nước tưới từ hồ Đồng Mô. Trong khu vực cũng có nhiều điểm trũng tạo thành các hồ đầm nhỏ.

1.3. Khí hậu

Thạch Thát nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, một năm chia thành 4 mùa khá rõ nét với các đặc trưng khí hậu chính như sau:

- Nhiệt độ không khí: nhiệt độ trung bình cả năm là $23,4^0C$, trong năm nhiệt độ thấp nhất trung bình $13,7^0C$ (vào tháng 1). Tháng nóng nhất là tháng 5 có nhiệt độ trung bình trên $37,5^0C$. Mùa lạnh kéo dài từ tháng 11 năm trước đến tháng 3 năm sau, mùa nóng từ tháng 4 đến tháng 10.

- Số giờ nắng trong năm trung bình là 1.680 giờ, năm cao nhất 1.700 giờ, năm thấp nhất 1.460 giờ.

- Lượng mưa và bốc hơi:

+ Lượng mưa bình quân năm là 1.628 mm, cao nhất trung bình là 2.163mm và thấp nhất trung bình là 1.519mm. Lượng mưa phân bố trong năm không đều, mưa tập trung từ tháng 5 đến tháng 10, chiếm 85% tổng lượng mưa cả năm, lượng mưa ngày lớn nhất có thể tới 336mm. Mùa khô từ cuối tháng 10 đầu tháng 11 đến tháng 3 năm sau, tháng mưa ít nhất trong năm là tháng 12, tháng 1 và tháng 2 lượng mưa chỉ có 16 - 23mm.

+ Lượng bốc hơi bình quân năm khoảng 860 mm, bằng 57% so với lượng mưa trung bình năm. Lượng bốc hơi trong các tháng mưa ít cao, do đó mùa khô đó thiếu nước lại càng thiếu hơn, tuy nhiên do hệ thống thủy lợi tương đối tốt nên ảnh hưởng không lớn đến cây trồng vụ đông xuân.

- Độ ẩm không khí trung bình năm khoảng 83%, giữa các tháng trong năm biến thiên từ 80 - 89%. Độ ẩm không khí thấp nhất trong năm là các tháng 11, 12, tuy nhiên chênh lệch về độ ẩm không khí giữa các tháng trong năm không lớn.

- Gió: hướng gió thịnh hành về mùa lạnh là gió mùa Đông Bắc từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau. Còn lại các tháng trong năm chủ yếu là gió Đông Nam. Thỉnh thoảng có xuất hiện gió Tây Nam vào các tháng 6,7.

- Sương muối hầu như không có; mưa đá rất ít khi xảy ra. Thông thường cứ 10 năm mới quan sát thấy mưa đá 1 lần.

Tóm lại, khí hậu ở Thạch Thất có đặc trưng nóng ẩm, mưa nhiều về mùa hè và lạnh, khô về mùa đông. Nền khí hậu ấy thích hợp với nhiều loại cây trồng, góp phần tạo nên hệ thống cây trồng phong phú, đa dạng.

1.4. Thủy văn

Do đặc điểm địa hình thấp dần về phía Đông Nam nên các sông suối có hướng chảy về phía này. Chế độ mưa theo mùa ảnh hưởng rõ nét đến chế độ thủy văn của các sông chính trong khu vực.

Các xã thuộc tiểu vùng đồi núi phía tây có độ dốc lớn hơn với những con suối nhỏ, ngắn, ở đây đã xây dựng một số công trình thủy lợi nhỏ cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

Sông Tích bắt nguồn từ vùng núi Ba Vì chảy qua Thạch Thất với chiều dài 16km là nguồn cung cấp nước chủ yếu và là dòng chính để tiêu thoát nước cho huyện. Sông quanh co, uốn khúc, nhiều đoạn bị bồi lấp mạnh. Ngoài ra còn

có hệ thống kênh thủy lợi cung cấp nước chủ động cho các cánh đồng như: kênh Đồng Mô - Ngải Sơn (dài 16km), kênh Phù Sa (18km), cùng với hệ thống các hồ nhỏ và vừa (tiêu biểu là hồ Tân Xã), các ao là nguồn dự trữ và tiêu thoát nước.

2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên

2.1. Tài nguyên đất

Huyện Thạch Thất gồm có 3 nhóm đất với 8 loại đất.

a. Nhóm đất phù sa

Diện tích 6.004,37 ha chiếm 32,53% diện tích tự nhiên. Các loại đất trong nhóm đất phù sa được hình thành trên các trầm tích của các con sông.

Căn cứ vào chỉ tiêu phân loại nhóm đất phù sa được chia thành 4 loại đất chính.

- Đất phù sa được bồi hàng năm (ký hiệu Pb)

Diện tích 150,82ha chiếm 0,82% diện tích tự nhiên. Đất được hình thành do sự bồi đắp một lượng phù sa mới hàng năm vào mùa mưa, tùy theo điều kiện địa hình và động năng dòng chảy mà lượng phù sa mới được bồi đắp dày hay mỏng. Hình thái phẫu diện đất thường có màu nâu tươi. Phản ứng của đất ít chua (pHKCl từ 5 - 5,5). Hàm lượng hữu cơ và đạm tổng số ở lớp đất mặt khá, càng xuống sâu các tầng dưới hàm lượng hữu cơ và đạm tổng số càng giảm. Lân tổng số và lân dễ tiêu khá (1,38% - 1,64%), kali dễ tiêu trung bình (10,2mg/100gđất - 14,4mg/100gđất). Lượng canxi và magiê trao đổi thấp trong đó canxi trao đổi chiếm ưu thế hơn so với magiê. Dung tích hấp thu (CEC) trung bình ở tất cả các tầng đất.

b. Nhóm đất đỏ vàng

Diện tích 4 857,67ha, chiếm 26,32% diện tích tự nhiên, bao gồm 3 loại đất:

- Đất đỏ vàng trên đá phiến sét (ký hiệu Fs)

Diện tích 1 426,37 ha, chiếm 7,73% diện tích tự nhiên. Đất được hình thành trên đá phiến sét, hình thái phẫu diện thường có màu đỏ vàng, vàng đỏ là chủ đạo, đôi khi có màu vàm nhợt.

Phản ứng của đất chua (pHKCl: 4,0 ở tầng mặt). Hàm lượng hữu cơ và đạm tổng số ở tầng đất mặt trung bình, càng xuống sâu các tầng dưới hàm lượng hữu cơ và đạm tổng số càng giảm. Lân tổng số giàu ở tất cả các tầng đất (> 0,15%), lân dễ tiêu nghèo (< 5mg/100gam đất). Kali tổng số ở mức trung bình(1,14 – 1,4%), kali dễ tiêu nghèo (< 10mg/100gam đất).

Lượng cation và magiê trao đổi thấp, trong đó canxi trao đổi chiếm ưu thế hơn so với magiê trao đổi. Dung tích hấp thu (CEC thấp). Thành phần cơ giới của đất thường là thịt trung bình, khả năng giữ nước và giữ phân bón khá. Đây là loại đất có độ phì khá, lại ở dạng đồi cao, tầng đất không dày nên sử dụng cho lâm nghiệp.

c. Nhóm đất thung lũng

Nhóm đất này chỉ có 1 loại đất là đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ (ký hiệu D). Diện tích 610,5 ha chiếm 3,31% diện tích tự nhiên.

Đất thường phân bố ở các thung lũng vùng đồi. Đất được hình thành do sản phẩm bồi tụ từ bên trên đồi đưa xuống, tầng đất thường lẫn sỏi đá; nơi thấp thường có gầy. Phản ứng của đất chua (pHKCl: 4,10 ở tầng mặt). Hàm lượng hữu cơ và đạm tổng số ở tầng đất mặt khá, xuống sâu các tầng dưới hàm lượng hữu cơ và đạm tổng số giảm. Lân tổng số trung bình, lân dễ tiêu nghèo. Kali tổng số và dễ tiêu đều nghèo. Lượng canxi và magiê trao đổi thấp, trong đó canxi trao đổi chiếm ưu thế hơn so với magiê trao đổi. Dung tích hấp thu ở tất cả các tầng đất, thành phần cơ giới từ thịt nhẹ đến trung bình.

Hiện tại loại đất này đang được sử dụng trồng lúa. Trong tương lai có thể trồng 2 vụ lúa/năm ở những nơi chủ động nước tưới, hoặc luân canh lúa - màu ở những nơi điều kiện tưới gặp khó khăn.

2.2. Tài nguyên nước

Trên địa bàn huyện Thạch Thất nguồn tài nguyên nước khá phong phú gồm: nước mặt và nước ngầm

a. Nước mặt: Huyện Thạch Thất có sông Tích chảy qua, đây là phụ lưu cấp I của sông Đáy thuộc hệ thống sông Hồng, bắt nguồn từ núi Tân Viên, chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, đổ vào sông Đáy ở Phúc Lâm (huyện Mỹ Đức). Sông có chiều rộng thay đổi theo địa hình dòng chảy, biến thiên từ 15m ÷ 150m. Sông Tích chảy qua 9 xã thuộc huyện Thạch Thất gồm: Cẩm Yên, Lại Thượng, Phú Kim, Kim Quan, Cần Kiệm, Tân Xã, Hạ Bằng, Đồng Trúc và thị trấn Liên Quan. Sông Tích trữ lượng nước khá lớn đáp ứng yêu cầu tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Ngoài ra trên địa bàn huyện còn có các hồ: Hồ Tân Xã (Tân Xã); Lúa (Yên Bình), Đồng Sở (Yên Trung); Cổ Đụng (Tiền Xuân), Linh Khiêu (Bình Yên) và các suối nhỏ ở các xã miền núi. Về mùa mưa, chiều sâu mực nước tại các suối cao trung bình 1,2m - 1,5m. Về mùa khô, mực nước duy trì khi cạn nhất từ 0,2m - 0,5m.

b. Nước ngầm: Cao độ mực nước ngầm biến đổi theo mùa. Mực nước ngầm có áp về mùa mưa (từ tháng 3 đến tháng 9 thường gặp ở cốt - 9m đến - 11m. Vào mùa khô (từ tháng 9 đến 3 năm sau) nước ngầm có áp thường gặp ở cốt từ - 10m đến - 11m. Còn nước ngầm mạch nông không áp thường cách mặt đất từ 1m ÷ 1,5m.

Thạch Thất là một phần của đồng bằng Sông Hồng, của thung lũng sông miền đồng bằng, nhưng chịu ảnh hưởng của các quá trình biến tiến, bào xói lục địa. Trầm tích thường có tính phân nhíp với độ hạt thô dần theo chiều sâu. Tại

khu vực có 2 tầng chứa nước chính: tầng chứa nước lỗ hổng không áp Halocen và tầng chứa nước lỗ hổng có áp Pleitocen.

Để sử dụng tốt tài nguyên nước cho mục tiêu phát triển sản xuất và sinh hoạt cần quy hoạch theo hướng giữ lại nguồn nước hồ Tân Xã và các hồ nhỏ phân bố rải rác trong huyện; sử dụng có hiệu quả nguồn nước được cấp bởi hệ thống kênh Đồng Mô - Ngải Sơn, Phù Sa; xây dựng các trạm cấp nước tập trung phục vụ sinh hoạt, các cụm, điểm công nghiệp.

2.3. Tài nguyên rừng.

Diện tích đất lâm nghiệp có rừng của huyện không nhiều, chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng diện tích tự nhiên của huyện. Toàn huyện có 2.489,95 ha đất rừng, chiếm 13,3% tổng diện tích tự nhiên (trong đó có 1.635,92 ha đất rừng sản xuất và 854,0 ha đất rừng đặc dụng). Rừng tập trung ở các xã phía tây của huyện gồm: Yên Trung, Yên Bình, Tiến Xuân và Bình Yên. Cây trồng lâm nghiệp gồm: bạch đàn, keo lá chàm, keo tai tượng... Ngoài ý nghĩa kinh tế cây lâm nghiệp được trồng trên đất đồi núi dốc có tác dụng phòng hộ, bảo vệ đất, tạo cảnh quan môi trường, điều hoà khí hậu. Trên đất đồi núi chưa sử dụng thực vật tự nhiên là cây lùm bụi, cỏ dại.

Do đặc điểm địa hình có nhiều đồi bát úp hoặc những dãy đồi thấp nổi lên giữa cánh đồng, rừng ở đây tạo nên phong cảnh đẹp. Trên diện tích đất có rừng hiện nay đã có nhiều dự án dự kiến triển khai. Khi triển khai thực hiện những dự án này khai thác được tiềm năng đất đai, phong cảnh nhưng cũng ảnh hưởng đến việc bảo vệ rừng.

Cây trồng nông nghiệp cũng khá đa dạng, phong phú gồm: các loại cây ăn quả, chè, cây lương thực, cây rau...

Động vật tự nhiên ít do chỉ có rừng trồng nằm phân tán ở các đồi núi độc lập, chủ yếu là các loài chim. Động vật nuôi có: bò, trâu, dê, lợn, gia cầm...

2.4. Tài nguyên khoáng sản.

Huyện Thạch Thất nghèo tài nguyên khoáng sản. Các khoáng sản chính chỉ có: sét để sản xuất gạch ngói, đá ong. Sét có nhiều ở Đại Đồng, đất để sản xuất vật liệu xây dựng phân bố ở nhiều nơi nhưng tập trung nhiều ở Cẩm Yên, Đồng Trúc, Đại Đồng. Đá ong phân bố dọc tỉnh lộ 84, chủ yếu tập trung ở Bình Yên.

Việc khai thác các nguồn tài nguyên trên cần có kế hoạch, quy hoạch cụ thể, tránh hiện tượng khai thác tự phát có thể làm giảm diện tích đất sản xuất nông nghiệp và ảnh hưởng đến môi trường.

2.5. Tài nguyên nhân văn.

a. Di tích lịch sử, cách mạng và văn hóa

Trên địa bàn huyện có 208 di tích bao gồm: 52 ngôi đình, 67 ngôi chùa, 12 ngôi đền, 49 ngôi quán và các di tích như miếu, văn chỉ, võ chỉ,... , trong đó có 100 di tích đã được nhà nước xếp hạng, trong đó có chùa Tây Phương được xếp hạng di tích Quốc gia đặc biệt; 34 pho tượng Phật thời Tây Sơn tại chùa Tây Phương được công nhận là bảo vật quốc gia và 34 di tích được xếp hạng cấp quốc gia; 65 di tích xếp hạng cấp tỉnh, thành phố. Huyện luôn duy trì, phát huy những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể độc đáo; mỗi địa phương trong huyện đều có những lễ hội văn hóa riêng gắn với di tích và lịch sử hình thành của các làng, xã. Nhiều môn nghệ thuật cổ truyền tiêu biểu được lưu giữ, bảo tồn và được khôi phục như: chèo Canh Nậu, Đại Đồng; Múa rối nước Chàng Sơn, Bình Phú, Thạch Xá, nghệ thuật cồng chiêng đặc sắc của dân tộc Mường tại 03 xã Yên Trung, Yên Bình và Tiến Xuân.

b. Lễ hội truyền thống

Hàng năm huyện Thạch Thất có từ 10 đến 15 lễ hội truyền thống được tổ chức. Tiêu biểu là hội Chùa Tây Phương xã Thạch Xá, các hội làng tại các xã như: hội làng Bùng, làng Vĩnh xã Phùng Xá; hội làng Đồng Táng, Đồng Kho, Trúc Động xã Đồng Trúc; hội làng Chàng Sơn, Canh Nậu, Đại Đồng, Bình Phú, Hạ Bằng, Càn Kiệm,...

c. Làng nghề

Huyện Thạch Thất hiện có 10 làng được Thành phố công nhận làng nghề truyền thống, các làng nghề truyền thống đó là: Làng nghề cơ kim khí Phùng Xá; Mây tre giang đan thôn Thái Hòa; Làng nghề Mây tre giang đan thôn Phú Hòa; Làng nghề Mây tre giang đan thôn Bình Xá xã Bình Phú; Làng nghề Mộc - xây dựng xã Canh Nậu; Làng nghề Mộc - xây dựng xã Dị Nậu; Làng nghề bánh chè lam thôn Thạch Xá xã Thạch Xá; làng nghề truyền thống mộc dân dụng và làm nhà cổ xã Hương Ngải. Các làng nghề truyền thống đều được bảo tồn và phát huy các giá trị gắn với phát triển du lịch, đến hết năm 2020 Cục sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và công nghệ) cấp công nhận nhãn hiệu tập thể cho 05 sản phẩm làng nghề (Chè lam Thạch Xá; Mộc Chàng Sơn; Chè kho Đại Đồng; Cơ kim khí Phùng Xá; mộc, xây dựng nhà kẻ truyền xã Hương Ngải).

2.6. Phân tích hiện trạng môi trường.

Vùng đồi núi thuộc các xã phía tây do đất rộng, mật độ dân số thưa, diện tích rừng còn nhiều nên phong cảnh khá đẹp, môi trường khá trong lành. Do đặc điểm địa hình là đồng bằng xen lẫn đồi bát úp với độ dốc không lớn, có những dòng sông, suối chảy uốn khúc và có những hồ, ao nằm rải rác đã tạo nên cho huyện Thạch Thất một cảnh quan thiên nhiên đẹp. Sông Tích chảy uốn quanh từ

Bắc xuống Nam, hồ Tân Xã mệnh mông nằm ngay trong vùng phát triển công nghệ cao trên địa bàn huyện.

Đường Đại lộ Thăng Long, đường Hồ Chí Minh, quốc lộ 32, quốc lộ 21, tỉnh lộ 419, 420, 446... chạy qua địa bàn huyện tạo nhiều thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội nhưng mật độ xe cơ giới hoạt động ngày một tăng cũng có ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường. Mật độ phương tiện giao thông hoạt động với mật độ dày gây tiếng ồn, khí thải làm ô nhiễm không khí ảnh hưởng đến môi trường nhất là đối với nhân dân sống ven đường và gần đường.

Các tuyến đường đang được thi công nâng cấp và mở rộng, các cụm, điểm công nghiệp đang san lấp, xây dựng ... tạo ra nhiều khói bụi làm cho không khí bị ô nhiễm. Các đơn vị thi công đã có áp dụng các biện pháp hạn chế ảnh hưởng đến môi trường (che kín xe chở đất cát, phun nước làm ướt đường...) nhưng lượng đất, cát rơi vãi trên đường còn nhiều là nguồn gây bụi khi các xe khác chạy qua.

Ở một số xã, các khu dân cư sống tập trung với mật độ cao, lượng rác thải sinh hoạt nhiều, tuy đã được thu gom và xử lý nhưng đôi khi vẫn tồn ứ, làm ảnh hưởng đến môi trường. Các hồ ao trong khu dân cư hiện nay bị san lấp nhiều ảnh hưởng đến việc tiêu thoát nước. Bởi vậy vấn đề ô nhiễm môi trường tại khu dân cư đang xuất hiện và ngày càng nặng thêm.

Đối với các làng nghề, các cụm công nghiệp công tác quản lý nhà nước về xử lý nước thải tại huyện có khó khăn lớn là quy hoạch, đầu tư cơ sở hạ tầng CCN không đồng bộ; một số hạng mục công trình phụ trợ (trạm xử lý nước thải, điểm tập kết rác thải, hạng mục công trình PCCC...) không có trong danh mục đầu tư. Hiện tại, chỉ 2 cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải là cụm công nghiệp cơ kim khí Phùng Xá có trạm xử lý với công suất 200m³/ngày-đêm (chủ yếu xử lý nước thải của một số hộ mạ trong cụm) và cụm công nghiệp Bình Phú 21,8ha đã có hệ thống xử lý đạt 600m³/ngày-đêm (theo công nghệ Nano). Còn lại 5/7 cụm công nghiệp không có hệ thống xử lý nước thải; hệ thống thoát nước tại các cụm công nghiệp không tách riêng nước mưa, nước thải; 6/7 cụm công nghiệp được quy hoạch phục vụ di dời các hộ sản xuất trong làng nghề ra, diện tích giao theo quy hoạch nhỏ nên khó quản lý sử dụng đất, PCCC... Cùng đó, các cụm công nghiệp hình thành trước Quyết định 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 nên không có báo cáo đánh giá tác động môi trường; các hộ SXKD được thuê đất trong cụm công nghiệp với tư duy hộ gia đình chưa có xác nhận đăng ký đề án hay kế hoạch bảo vệ môi trường; công trình xử lý khí thải, nước thải sơ sài...

Đặc biệt, trạm xử lý nước thải tại cụm công nghiệp Bình Phú chưa kết nối thu gom toàn bộ nước thải của các cơ sở SXKD khu vực lân cận, công suất xử lý theo thiết kế 600m³/ngày-đêm nhưng hiện chỉ có 10 đơn vị trong cụm công nghiệp đầu nối; thành phần nước thải là nước thải sinh hoạt nên việc vận hành xử lý nước thải sản xuất gây lãng phí, không đủ kinh phí duy trì vận hành. Còn cụm công nghiệp cơ kim khí Phùng Xá đã có hệ thống xử lý nước thải từ năm 2010, công nghệ lạc hậu, hạ tầng xuống cấp; trạm có thiết kế với công nghệ và modul chỉ phục vụ xử lý nước thải mạ (hiện có hơn 10 hộ sản xuất mạ).

Trong sản xuất trồng trọt, người nông dân còn sử dụng nhiều thuốc trừ sâu, bệnh và các chế phẩm hoá học cũng gây tác động không nhỏ đến môi trường.

Nền kinh tế của huyện đang trên đà phát triển, tốc độ đô thị hoá đang diễn ra khá nhanh, trong tương lai khi Khu công nghệ cao Hoà Lạc, Đại học Quốc gia Hà Nội đi vào hoạt động, các khu đô thị hình thành sẽ tạo những thay đổi lớn và có những tác động đáng kể đến môi trường. Bởi vậy, cần ngay từ bây giờ cần phải có những giải pháp hợp lý để hạn chế ô nhiễm, bảo vệ môi trường đảm bảo cho sự phát triển bền vững, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, cảnh quan, vật lực của địa phương.

3. Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

3.1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Năm 2023 phát triển kinh tế của huyện có gặp những khó khăn nhất định như: giá nguyên, nhiên vật liệu đầu vào cho sản xuất tăng; thị trường bất động sản, mặt bằng cho thuê, thị trường tiêu dùng một số mặt hàng có dấu hiệu trầm lắng, sức mua giảm... tuy nhiên mức ảnh hưởng đến kinh tế trên địa bàn huyện là không lớn. Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn ước đạt 36.257,68 tỷ đồng, bằng 101% kế hoạch năm và tăng 15,1% so với năm 2022.

Những năm gần đây, kinh tế trên địa bàn huyện Thạch Thất luôn có bước tăng trưởng khá, hàng năm nhiều chỉ tiêu đã đạt và vượt kế hoạch đề ra. Tổng giá trị sản xuất cả năm 2019 đạt 21.903.770 triệu đồng, bằng 100,02% kế hoạch và tăng 15,24% so với cùng kỳ năm 2018. Năm 2017, tổng giá trị sản xuất cả năm đạt 16.518,27 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 14,8% so với năm 2016.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn huyện Thạch Thất

Ngành kinh tế	Năm 2016	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	67,3	69,2	69,5	69,3	69,2	69,4
Thương mại, dịch vụ	22,1	22,3	23,8	24,7	25,0	25,5
Nông, lâm nghiệp, thủy sản	10,6	8,5	6,7	6,1	5,8	5,1

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ; giảm dần tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản mặc dù giá trị vẫn tăng lên. Năm 2022, cơ cấu tổng giá trị sản xuất các ngành Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - Thương mại, dịch vụ và Nông, lâm nghiệp, thủy sản lần lượt là: 69,2% - 25,0% và 5,8%; Năm 2023 là 69,4%; 25,5% và 5,1%.

Ngay từ những ngày đầu năm 2023, UBND huyện đã tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác thu ngân sách. Trên cơ sở dự toán Thành phố và HĐND huyện giao, UBND Huyện đã kịp thời giao dự toán đến các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn; chỉ đạo quản lý, điều hành chi ngân sách đảm bảo kịp thời, tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định.

Tổng thu NSNN trên địa bàn ước đạt 1.145.950 triệu đồng, bằng 127% dự toán Thành phố giao, bằng 84% DT huyện giao và bằng 109% so với năm 2022. Trong đó, nếu không tính khoản thu tiền sử dụng đất, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 781.884/689.100 triệu đồng, bằng 113% so với dự toán Thành phố và Huyện giao. Có 8/10 chỉ tiêu thu ước đạt và vượt so với năm 2022 như: thu CTN-NQD ước đạt 112% dự toán, thu tiền thuê đất, mặt nước ước đạt 125% DT, tăng 18%, thu khác ngân sách ước đạt 233% DT, tăng 112% so với năm 2022. Thu tiền sử dụng đất ước đạt 364.066 triệu đồng, bằng 173% DT Thành phố giao, 54% DT Huyện giao, tăng 13% so với năm 2022.

Tổng thu ngân sách cấp Huyện ước đạt 3.536.490 triệu đồng, bằng 180% dự toán thành phố giao, 145% huyện giao và bằng 125% so với cùng kỳ năm 2022.

Công tác chi ngân sách được quản lý, điều hành chặt chẽ, đúng quy định, bám sát vào dự toán HĐND Huyện giao, chủ động đảm bảo các nhiệm vụ chi trên cơ sở hiệu quả, tiết kiệm. Tổng chi ngân sách cấp Huyện ước đạt 2.599.688 triệu đồng, bằng 108% dự toán Huyện giao đầu năm (đã trừ tiết kiệm), bằng 92% so với tổng dự toán giao.

Công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, thanh quyết toán vốn đầu tư

đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định. Tổng vốn đầu tư năm 2023 và kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài (bao gồm vốn XDCB tập trung cấp thành phố và vốn ngân sách huyện) sau điều chỉnh bổ sung là 1.476.296 triệu đồng/212 dự án với tổng mức đầu tư 6.882.694 triệu đồng (gồm 68 dự án hoàn thành từ năm 2022 trở về trước, 93 dự án chuyển tiếp, 51 dự án mới).

Nhìn chung, công tác thu chi ngân sách hàng năm trên địa bàn huyện luôn được quan tâm đúng mức, chỉ đạo sát sao, và đã đạt kết quả khả quan trong những năm gần đây. Năm 2021, tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn đạt khoảng 1.248.115 triệu đồng, bằng 122% dự toán Thành phố giao, bằng 118% dự toán Huyện giao và bằng 148% so với cùng kỳ năm 2020; Tổng thu ngân sách huyện đạt khoảng 2.016.776 triệu đồng, bằng 130% dự toán năm Thành phố giao, 128% Huyện giao và bằng 104% cùng kỳ năm 2020; Tổng chi ngân sách huyện đạt khoảng 1.544.894 triệu đồng, bằng 117% dự toán Huyện giao đầu năm, bằng 93% tổng dự toán huyện giao sau điều chỉnh, và bằng 104% so với cùng kỳ năm 2020. Năm 2018, tổng chi ngân sách huyện là 1.437,77 tỷ đồng, bằng 118% dự toán năm; năm 2017 đạt 1.451,16 tỷ đồng, bằng 86% dự toán năm.

Hoạt động tín dụng, ngân hàng trên địa bàn ổn định, đáp ứng nhu cầu vay vốn, hỗ trợ tích cực cho sản xuất kinh doanh và đời sống của nhân dân trên địa bàn.

3.2. Khu vực kinh tế công nghiệp - xây dựng

Trong cơ cấu nền kinh tế của huyện, ngành Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất; là ngành kinh tế mũi nhọn, là ngành động lực trong phát triển kinh tế, đóng vai trò lớn, có tác động lớn thúc đẩy kinh tế phát triển với tốc độ cao. Năm 2023, sản xuất công nghiệp - xây dựng tiếp tục duy trì và cơ bản giữ được đà tăng trưởng, giá trị sản xuất ước đạt 25.072.364trđ, bằng 101% KH năm, tăng 14,9% so với năm 2022. Năm 2022 đạt giá trị sản xuất khoảng 21.829.130 triệu đồng (trong năm 2022), tăng 13,6% so với cùng kỳ năm 2021, bằng 100% kế hoạch năm. Cả năm 2021, giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng đạt khoảng 19.219.276 triệu đồng, tăng 9,6% so với cùng kỳ năm 2020.

Huyện tiếp tục quan tâm chỉ đạo duy trì, phát triển sản xuất kinh doanh tại các làng nghề, cụm công nghiệp làng nghề trên địa bàn huyện; đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu các sản phẩm làng nghề truyền thống. Đã tổ chức triển lãm giới thiệu các sản phẩm làng nghề, thủ công mỹ nghệ, sản phẩm OCOP, sinh vật cảnh nhân dịp kỷ niệm 15 năm điều chỉnh địa giới hành chính

Thủ đô Hà Nội, với trên 200 gian hàng, trưng bày hàng nghìn sản phẩm truyền thống, đặc sắc, giá trị trong huyện và cả nước...

Trong năm 2023, Huyện đã chỉ đạo rà soát, điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500 CCN làng nghề Dị Nậu, CCN Bình Phú I giai đoạn 2 và hoàn thiện quy hoạch chi tiết CCN làng nghề Hữu Bằng theo Quyết định số 33/2022 của UBND Thành phố. Tập trung đẩy nhanh tiến độ GPMB CCN Chàng Sơn giai đoạn 2; hoàn chỉnh hồ sơ để triển khai công tác GPMB CCN Bình Phú I - giai đoạn 2 và CCN Hữu Bằng³. Phối hợp với các Sở, ngành Thành phố thẩm định, báo cáo Thành phố xem xét thành lập mới 3 CCN với tổng diện tích 37,22 ha; đề nghị Thành phố bổ sung danh mục 05 CCN mới với tổng diện tích 228 ha, mở rộng CCN làng nghề Dị Nậu từ 10 ha lên 34 ha, mở rộng CCN Thạch Xá và Hương Ngải từ 10 ha lên 20 ha/cụm vào Phương án phát triển CCN trên địa bàn Thành phố; Tập trung chỉ đạo thực hiện 08 KH khắc phục những tồn tại, vướng mắc tại 07 CCN đang hoạt động và CCN cơ kim khí mở rộng. Đến nay, đã hoàn thành đo đạc bản đồ, khôi phục mốc giới và kiểm toán độc lập 6/7 CCN và CCN cơ kim khí Phùng Xá mở rộng (CCN Kim Quan không phải thực hiện), hoàn thành quyết toán khối lượng đầu tư, GPMB, tính suất đầu tư đối với CCN Kim Quan; chỉ đạo rà soát, xây dựng phương án chi tiết tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để tiếp tục đầu tư hoàn thiện hạ tầng CCN cơ kim khí Phùng Xá mở rộng; thực hiện các nội dung kiến nghị theo kết quả kiểm toán để quyết toán các dự án đầu tư CCN.

Tổ chức thực hiện chương trình khuyến công năm 2023, đã tổ chức đào tạo nghề cho 135 lao động nông thôn/04 lớp tại xã Lại Thượng và Dị Nậu.

Huyện đã tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp phát triển sản xuất. Hệ thống lưới điện tiếp tục được quan tâm đầu tư, cải tạo nâng cấp, phát triển lưới điện trên địa bàn, đảm bảo nguồn điện ổn định, đáp ứng nhu cầu điện phục vụ sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân, tổng sản lượng điện tiêu thụ 2023 ước đạt 968 triệu kWh, tăng 7,3% so với năm 2022. Đã thực hiện đầu tư, nâng cấp, cải tạo trạm biến áp, đường dây trung thế, hạ thế với tổng kinh phí 84 tỷ đồng;

Toàn huyện có 59 làng nghề, trong đó có 10 làng nghề được thành phố Hà Nội công nhận là làng nghề truyền thống. Huyện tạo điều kiện và khuyến khích phát triển mở rộng sản xuất trong các cụm điểm công nghiệp, làng nghề, phát triển dịch vụ nông thôn nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển bền vững, bảo vệ môi trường.

Các sản phẩm chủ yếu ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của Huyện là: cơ kim khí, chế biến lâm sản, đồ mộc, chế biến lương thực, thực phẩm.

3.3. Khu vực sản xuất nông, lâm nghiệp – thủy sản

Trong cơ cấu nền kinh tế huyện Thạch Thất, tỷ trọng giá trị sản xuất ngành Nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2023 chỉ chiếm 5,1%, là rất thấp so với ngành công nghiệp-xây dựng (69,4%) và ngành thương mại, dịch vụ (25,5%). Tuy nhiên do được chú trọng đầu tư phát triển và có thuận lợi về thời tiết nên ngành nông nghiệp vẫn không ngừng tăng trưởng về giá trị sản xuất, trong khi diện tích đất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp do tốc độ đô thị hóa nhanh; Giá trị sản xuất Nông - Lâm - Thủy sản năm 2023 ước đạt 1.870.706 triệu đồng, bằng 100,2% kế hoạch năm và tăng 3,1% so với năm 2022. Tỷ trọng giá trị sản xuất ngành Nông, lâm nghiệp, thủy sản trong cơ cấu nền kinh tế có xu hướng giảm dần từ 10,6% năm 2016 xuống 6,7% năm 2019 xuống 6,1% năm 2021, và 5,1% năm 2023

Năm 2023 với điều kiện thời tiết khá thuận lợi, dịch bệnh ở cây trồng, vật nuôi được kiểm soát tốt, nông nghiệp tiếp tục khẳng định là trụ đỡ của kinh tế huyện. Sản xuất nông nghiệp của Huyện luôn được quan tâm, tạo điều kiện để phát triển đa dạng, bền vững.

Vụ xuân năm 2023, toàn huyện gieo cấy 3.978,7 ha lúa, đạt 100,5% kế hoạch, năng suất lúa bình quân đạt 65,3 tạ/ha, tăng 0,8 tạ/ha so với KH; Gieo trồng 1.125,5 ha cây rau màu, đạt 100% diện tích KH, tăng 8,3 ha so với cùng kỳ năm 2022.

Vụ mùa: Toàn huyện gieo cấy 3.425,86/3444,28ha lúa, đạt 99,5% DTKH, năng suất lúa bình quân đạt 60 tạ/ha, tăng 2 tạ/ha so với kế hoạch; Gieo trồng 906,3/897,4ha cây màu, đạt 101% DTKH. Huyện tiếp tục quan tâm hỗ trợ 50% kinh phí mua giống ngô và 80% kinh phí mua hạt rau các loại cho nhân dân gieo trồng vụ đông, vụ đông năm 2023-2024 toàn huyện đã gieo trồng 715 ha, đạt 95,3% DTKH. Một số loại cây rau màu được gieo trồng chủ yếu như ngô: 198,5 ha; lạc: 92,5 ha; đậu đỗ các loại: 31,5 ha; khoai tây: 21 ha; khoai lang: 34 ha; rau màu các loại: 323,6 ha; cây màu khác và cây ăn quả 213,7 ha; hoa các loại: 61,2 ha; sắn: 149,5 ha. Một số cây rau màu cho năng suất và hiệu quả kinh tế cao như: Dưa lê cho thu nhập trung bình 220-270 triệu đồng/ha, khoai tây xuân 300-330 triệu đồng/ha; dưa chuột, kiệu, ngô nếp, rau trung bình đạt 180-200 triệu đồng/ha.

Công tác khuyến nông: đã thực hiện có hiệu quả các mô hình trình diễn, gieo trồng thử nghiệm các giống cây trồng mới có năng suất, chất lượng cao. Vụ Xuân đã thực hiện 03 mô hình trình diễn tại 06 xã: (1) Mô hình gieo cấy các giống lúa ĐH12 tại Hương Ngải (10 ha), cảm Yên (5 ha), giống lúa DT80 tại HTX Ngoại Kim xã Phú Kim (5 ha), giống lúa TBR225 tại xã Chàng Sơn (10 ha); các giống lúa thuộc nhóm năng suất, chất lượng và có khả năng chống chịu với điều kiện thời tiết bất thuận và trình độ thâm canh trên địa bàn, năng suất đạt 64,5-67,5 tạ/ha; (2) Mô hình trồng dưa lê tại xã Hương Ngải (1 ha) và xã Đại Đồng (1 ha) cho thu nhập trung bình khoảng 210-230 triệu đồng/ha, sản phẩm đạt tiêu chuẩn chứng nhận an toàn VietGAP; (3) Mô hình trồng cây đu đủ áp dụng quy trình canh tác ATTP theo tiêu chuẩn VietGAP - gắn với mã số vùng trồng và truy xuất nguồn gốc tại xã Dị Nậu (1 ha), cây đu đủ hiện đang cho thu hoạch với sản lượng ước đạt 1.350-1.800 kg/sào, thu nhập khoảng 429-498 triệu đồng/ha. Vụ Mùa đã thực hiện 02 mô hình trình diễn tại 02 xã: (1) Mô hình sản xuất lúa TBR225 (20 ha) liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm, ứng dụng cơ giới hóa các khâu tại xã Đồng Trúc; (2) Mô hình trồng rau ăn lá hữu cơ (05 ha) tại xã Yên Bình với hình thức liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đã tạo việc làm cho 50 hội viên phụ nữ, thu nhập từ 5,5 - 7,5 triệu đồng/sào, sản phẩm đảm bảo an toàn, tiêu thụ ổn định, góp phần tăng thu nhập và mở rộng diện tích trồng rau hữu cơ ở xã Yên Bình từ 25 ha lên 30 ha.

Trong năm đã xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng đối với diện tích đất nông nghiệp trồng lúa kém hiệu quả với tổng diện tích 221,58 ha, tổng diện tích đã chuyển đổi là 32,65 ha, đạt 14,73% kế hoạch. Chỉ đạo tổ chức 02 đợt diệt chuột đồng loạt và phòng trừ kịp thời các đối tượng dịch hại trên cây trồng theo kế hoạch của Thành phố và Huyện. Khuyến cáo nông dân sử dụng các loại thuốc BVTV an toàn, độ độc thấp, có nguồn gốc sinh học, thời gian cách ly ngắn nhất, không phun thuốc tràn lan, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường, tạo ra nông sản sạch. Hỗ trợ 1.008 kg chế phẩm vi sinh cho các xã thực hiện xử lý rơm rạ sau thu hoạch làm phân bón cho cây trồng, góp phần hạn chế tình trạng đốt rơm rạ ngoài đồng ruộng, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và an toàn giao thông. Chỉ đạo triển khai Hội thi tìm hiểu Khoa học kỹ thuật, quảng bá và xúc tiến tiêu thụ sản phẩm bưởi Hà Nội lần 2 - năm 2023 theo Kế hoạch của thành phố; cuối năm đã thực hiện sơ tuyển và lựa chọn xong 03 vườn bưởi tiêu biểu đáp ứng tiêu chí Hội thi và gửi danh sách Đội thi tham gia Hội thi theo quy chế của Ban Tổ chức

Trong năm 2023 đã thực hiện quyết liệt, đồng bộ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi, hoàn thành 02 đợt tiêm phòng vắc xin đại trà cho đàn gia súc, gia cầm và 04 đợt tổng vệ sinh tiêu độc môi trường, trên địa bàn huyện không xuất hiện dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, diện rộng trên đàn vật nuôi. Tổng đàn gia súc, gia cầm duy trì ổn định, đàn trâu bò đạt 7.903 con bằng 100,1%, đàn lợn đạt 103.021 con bằng 98,5%, đàn gia cầm đạt 1.432.000 con bằng 101,2% so với năm 2022.

Giá trị sản xuất nông nghiệp năm 2023 ước đạt 1.735.601trđ bằng 101,9% KH năm, tăng 2,3% so với năm 2022.

Lĩnh vực lâm nghiệp: Tổ chức thực hiện kế hoạch trồng cây xanh, phát động “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” xuân Quý Mão tại tuyến đường ĐH13 (đường vào Chùa Tây phương). Toàn huyện đã trồng được 10.542 cây, đạt 105,4% kế hoạch. Chỉ đạo các xã có rừng, các chủ rừng và tuyên truyền nhân dân thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, PCCCR; duy trì, chăm sóc 2.100,55 ha rừng hiện có, trồng bổ sung được 40 ha rừng (tại xã Tiến Xuân: 35 ha, xã Yên Bình: 3 ha và xã Yên Trung: 2 ha). Giá trị sản xuất lâm nghiệp năm 2023 ước đạt 63.604 triệu đồng bằng 74,8% KH năm, tăng 0,2% so với năm 2022.

Lĩnh vực thủy sản: duy trì nuôi trồng thủy sản có hiệu quả với diện tích 520 ha diện tích mặt nước hiện có. Giá trị sản xuất thủy sản năm 2023 ước đạt 71.501 triệu đồng bằng 91,1% KH năm, tăng 31,2% so với năm 2022.

3.4. Khu vực thương mại – dịch vụ - du lịch

Giá trị ngành Dịch vụ ước đạt 9.314.610 triệu đồng, bằng 101% KH năm và tăng 18,5%, tổng mức bán lẻ hàng hóa tăng 21,3% so với năm 2022.

Giá trị sản xuất ngành thương mại, dịch vụ, du lịch trên địa bàn huyện Thạch Thất đạt tỷ trọng 25,5% trong cơ cấu giá trị sản xuất các ngành năm 2023; và có xu hướng tăng dần qua các năm: năm 2016 là 22,1%, năm 2019 đạt 23,8%, năm 2021 đạt 24,7%, năm 2022 đạt 25%. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, trong đó tăng dần tỷ trọng ngành thương mại, dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, giảm dần tỷ trọng ngành nông, lâm, thủy sản là xu hướng tiến bộ; cùng với tốc độ tăng trưởng khá cao và ổn định góp phần nâng cao từng bước đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Năm 2022, tổng giá trị thương mại - dịch vụ ước đạt 7.891.610 triệu đồng, đạt 100,4% kế hoạch năm, tăng 16,8% so với năm 2021. Trong khi đó, giá trị ngành thương mại, dịch vụ năm 2021 đạt khoảng 6.754.054 triệu đồng, tăng

13,4% so với cùng kỳ 2020; năm 2019 đạt 5.033.366 triệu đồng, tăng 18,5% so với cùng kỳ năm 2018 (năm 2018 đạt 4.247.365 triệu đồng).

Sản xuất ngành thương mại, dịch vụ, du lịch trên địa bàn Huyện tiếp tục phát triển, giá cả ổn định. Các hoạt động thương mại, dịch vụ đã vượt qua khó khăn, phục hồi và phát triển phong phú, đa dạng đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân. Các loại hình dịch vụ, thương mại văn minh, tiện ích (siêu thị điện tử, điện máy, đại lý, cửa hàng chuyên doanh) tiếp tục phát triển mở rộng.

Cơ quan chức năng đã tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi gian lận thương mại, buôn bán hàng nhập lậu, hàng giả, đầu cơ tăng giá...; triển khai thực hiện đề án “Quản lý cửa hàng sản xuất, kinh doanh thực phẩm trong chợ trên địa bàn thành phố giai đoạn 2021-2025”; tăng cường kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về kinh doanh thương mại, đảm bảo an toàn thực phẩm, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi gian lận thương mại, kinh doanh hàng hóa nhập lậu, hàng giả. Đã kiểm tra, phát hiện, xử lý 101 trường hợp vi phạm, phạt hành chính nộp ngân sách 1.030 triệu đồng, tịch thu tiêu hủy hàng hóa trị giá 508,6 triệu đồng, chuyển hình sự 01 vụ.

Trong năm đã tổ chức các phiên chợ hàng Việt, phiên chợ bán hàng lưu động tại xã Bình Phú với quy mô 40 gian hàng; phối hợp với Văn phòng điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới Hà Nội tổ chức tuần hàng tư vấn, giới thiệu và xúc tiến tiêu thụ sản phẩm OCOP, làng nghề, nông sản thực phẩm an toàn từ ngày 17/8/2023 đến 21/8/2023, với quy mô 50 gian hàng để kết nối giao thương, phục vụ nhu cầu mua sắm của nhân dân; Rà soát, đánh giá mạng lưới cửa hàng xăng dầu trên địa bàn huyện phục vụ lập Quy hoạch giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Tổ chức tốt Lễ hội Chùa Tây Phương, thu hút hàng trăm nghìn lượt khách du lịch, nhân dân trong và ngoài Huyện đến thăm quan, trải nghiệm. Trong năm 2023, ước có 240.520 lượt khách du lịch đến Huyện, tăng 60.000 lượt, doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 21,3% so với năm 2022.

3.5. Công tác Văn hóa – thông tin thể thao

Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa được quan tâm chỉ đạo, củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của các Ban chỉ đạo từ huyện đến các xã, thị trấn, tiếp tục chỉ đạo thực hiện Quyết định 308 của Thủ tướng. Chỉ thị số 11/CT-TU của Thành ủy Hà Nội, Chỉ thị số 03-CTr/HU của HU.

Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao kỷ niệm thành lập Đảng cộng sản Việt Nam (3/2/1930-3/2/2022) và mừng tết nguyên đán Kỷ Hợi, tuyên truyền Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội lần thứ XIII của Đảng và kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Đảng bộ thành phố Hà Nội; tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn huyện; tuyên truyền bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình; ...

Hoạt động phát thanh, truyền thanh được quan tâm chỉ đạo, củng cố nâng cấp đầu tư cơ sở vật chất đài phát thanh huyện và xã, thị trấn. Duy trì việc quản lý và khai thác tốt, an toàn hệ thống thiết bị kỹ thuật, hỗ trợ lắp đặt vật tư, trang thiết bị kỹ thuật cho hệ thống truyền thanh cơ sở. Tiếp tục làm tốt công tác làm tốt tuyên truyền, chất lượng tin bài được nâng lên, nội dung tuyên truyền đã bám sát các nhiệm vụ chính trị, các ngày lễ lớn, tuyên truyền Đại hội XII của Đảng, cuộc bầu cử Đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2025.

4. Về thực trạng xã hội

4.1. Công tác Giáo dục đào tạo

Duy trì ổn định quy mô, mạng lưới trường lớp, toàn huyện có 77 trường công lập, 01 trường Tiểu học, THCS tư thục Maya; 01 trường THCS và THPT tư thục TH School; 25 cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập, 01 Trung tâm GDNN-GDTX. Trong năm, Thành phố đã kiểm tra và công nhận 13/13 trường công nhận kiểm định chất lượng và công nhận đạt chuẩn Quốc gia. Trong đó: có 02 trường được chứng nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 và đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2, 10 trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1; Hoàn thành đạt chuẩn Quốc gia 04 trường mới: Trường MN Cẩm Yên, Yên Trung, Phùng Xá; THCS Lại Thượng và 02 trường công nhận chuẩn lại: MN Đại Đồng, MN Bình Yên B. Có 62/77 trường công lập đạt chuẩn Quốc gia, đạt tỷ lệ 80,5%.

4.2. Công tác quản lý đất đai, môi trường

Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất luôn được Huyện quan tâm thực hiện tốt. Trong năm 2022, Huyện đã hoàn thành lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023 và được UBND thành phố phê duyệt và thực hiện hoàn thành công tác thống kê đất đai năm 2021. Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Thạch Thất được phê duyệt tại quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 17/01/2022 của UBND thành phố Hà Nội. Theo đó, có tổng số 181 dự án/529,03ha (cấp TP 13 dự án, cấp huyện 146 dự án, ngoài ngân sách 22 dự án), đến cuối năm đã thực hiện 73/181 dự án, đạt 40,3% kế hoạch. Căn cứ kế quy hoạch, hoạch sử dụng đất

hàng năm, công tác quản lý đất đai trên địa bàn Huyện thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

Ngay từ đầu năm, Huyện đã xây dựng, triển khai kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 149-NQ/HU ngày 18/11/2021 của BCH Đảng bộ huyện, chỉ đạo tăng cường công tác quản lý về đất đai, kiểm tra, ngăn chặn xử lý các vi phạm, đặc biệt là trước, trong và sau Tết nguyên đán Nhâm Dần, các ngày nghỉ Lễ. Trong năm 2022, số vụ vi phạm đất đai giảm so với năm 2021, các vi phạm được phát hiện kịp thời, cơ bản đã xử lý dứt điểm. Kết quả: đã phát hiện 71 trường hợp vi phạm đất đai (giảm 17 vụ vi phạm so với năm 2021), đến nay đã xử lý dứt điểm 66/71; còn 05 trường hợp chưa xử lý (xã Lại Thượng: 02, xã Tiến Xuân: 01; Thạch Hoà 02).

Huyện tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch chi tiết tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về đất đai theo Thông báo Kết luận số 398/TB-VP ngày 18/9/2020 của UBND thành phố; Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các xã xây dựng phương án giải quyết tồn tại vi phạm đất đai. Đối với đất giãn dân từ 2002-2007: đến nay đã hoàn thành việc rà soát các vướng mắc tại 18/18 xã, có 6 xã đã xây dựng phương án chi tiết về khắc phục tồn tại, trong đó phương án tại xã Bình Phú (thông báo 331) Huyện đã báo cáo UBND Thành phố và các sở ngành; Giải quyết về giao đất: đã giao 107 thửa đất/19.107m² (11 thửa đất đấu giá, 36 thửa đất dịch vụ, 60 thửa đất tái định cư); Về thực hiện chính sách đất dịch vụ cho nhân dân tại 2 xã Bình Yên, Tân Xã: đến nay đã hoàn thành công tác đầu tư hạ tầng, hoàn thành việc rà soát đối tượng được hưởng chính sách và báo cáo Thành phố, sau khi có chỉ đạo của Thành phố, Huyện sẽ phê duyệt đối tượng, xác định giá thu tiền sử dụng đất làm cơ sở thực hiện nghĩa vụ tài chính và giao đất cho nhân dân; đối với xã Hạ Bằng, hiện đang triển khai lập quy hoạch chi tiết để đầu tư hạ tầng.

Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: chỉ đạo hướng dẫn, đôn đốc cấp 136 GCN quyền sử dụng đất ở đối với các thửa đủ điều kiện; Đối với đất của 380 cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng (gồm 79 cơ sở tôn giáo, 301 cơ sở tín ngưỡng): đến nay, 274 cơ sở đã đăng ký đất đai, 106 cơ sở chưa đăng ký; 255 cơ sở đã lập hồ sơ cấp GCN, 125 cơ sở đang lập, hoàn chỉnh hồ sơ trình cấp GCN; đã cấp GCN 17/380 cơ sở, chưa cấp GCN 363 cơ sở. Hướng dẫn các xã, thị trấn tiếp tục lập, hoàn thiện hồ sơ trình cấp GCN, đăng ký đất đai cho các thửa đất ở, đất nông nghiệp sau dồn điền đổi thửa, đất cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn theo quy định tại Quyết định số 26/2022/QĐ-UBND ngày 14/6/2022 của UBND Thành phố Hà Nội.

Về việc thực hiện giải phóng mặt bằng, năm 2022 đã: phê duyệt, chi trả kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho 2.355 lượt hộ/93,07ha/580,13 tỷ đồng; Tổ chức thu hồi mặt bằng đối với diện tích đã thực hiện đủ chính sách tại dự án Khu CNC Hòa Lạc, ĐHQG Hà Nội; Xét tái định cư cho 58 hộ gia đình, cá nhân tại dự án xây dựng ĐHQG Hà Nội; Tổ chức bốc thăm vị trí tái định cư cho 191 hộ gia đình, cá nhân tại các dự án khu CNC Hòa Lạc, ĐHQG Hà Nội, Mở rộng và hoàn thiện đường láng Hòa Lạc; Tổ chức bốc thăm vị trí đất dịch vụ cho 8 hộ gia đình, cá nhân xã Kim Quan. Mặt bằng thi công các dự án đầu tư công trên địa bàn huyện cơ bản được đảm bảo, nhiều dự án còn vướng mắc về mặt bằng thi công từ những năm trước đây, nay đã được giải quyết dứt điểm như: đường 419 đoạn từ cụm công nghiệp Bình Phú - Phùng Xá, đường Cản Kiệm - Kim Quan - TL420, trường mầm non Bình Phú A, đường trung tâm xã Thạch Xá, khu đấu giá Đồng Quân Kép xã Canh Nậu, trường THCS Hữu Bằng.

Về việc thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất: tổ chức thẩm định, xác định, phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá khởi điểm để đấu giá QSD đất theo phân cấp, ủy quyền của Thành phố. Đã tổ chức các phiên đấu giá quyền sử dụng đất ở tại: khu Lỗ Đòng - Bồ Cốc xã Đại Đồng, Đồng Cháy xã Hương Ngải, Đồng Quân Kép xã Canh Nậu với số tiền trúng đấu giá là 271.900 triệu đồng; Triển khai thực hiện công tác GPMB, đầu tư hạ tầng và lập hồ sơ theo quy định tại các dự án đấu giá: khu Đồng Thông, Đồng Bán xã Chàng Sơn, khu Đồng Định xã Dị Nậu, khu Đồng Ngà xã Hương Ngải giai đoạn 3, khu Bình Xá xã Bình Phú, khu trung tâm xã Hương Ngải, khu Ó trong xã Phùng Xá, 1.000 m² tại khu đất dịch vụ Vĩnh Lộc, xã Phùng Xá; lập hồ sơ để triển khai thực hiện quyền sử dụng khu đất đấu giá dự án tại Thôn 6 xã Tân Xã và Đồi Phe xã Đồng Trú.

Công tác bảo vệ môi trường được quan tâm thường xuyên để đảm bảo cuộc sống của nhân dân, tạo điều kiện các doanh nghiệp, các hộ phát triển sản xuất hiệu quả, bền vững, công bằng. Công tác duy trì vệ sinh môi trường được thực hiện thường xuyên, rác thải được thu gom, vận chuyển kịp thời, tiếp tục được nhân dân ghi nhận, đánh giá cao năng lực, trách nhiệm của đơn vị thực hiện và cấp ủy, chính quyền địa phương. Khối lượng thu gom, vận chuyển rác thải đạt 98% kế hoạch, tỷ lệ thu gom, vận chuyển trong ngày đạt trên 99%; tổ chức, phát động cuộc thi “Giữ gìn thôn, tổ dân phố sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn” đến 23/23 xã, thị trấn, 122/122 thôn, tổ dân phố, 174/174 ngõ xóm tham gia cuộc thi; tổ chức 3 lớp tập huấn với 400 người tham dự và truyền thông tại 4 xã về luật Bảo vệ môi trường, hướng dẫn phân loại rác thải tại nguồn, ủ phân

hữu cơ tại hộ gia đình; chỉ đạo thực hiện thu phí nước thải công nghiệp và nước thải sinh hoạt trên địa bàn huyện...

5. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng

5.1. Hệ thống giao thông

Hệ thống giao thông của huyện Thạch Thất nằm trong 3 tuyến quốc lộ lớn: Quốc Lộ 21 ở phía Tây, quốc lộ 32 ở Bắc, đường Láng Hòa Lạc (Đại Lộ Thăng Long) ở phía Nam. Huyện nằm trong trục giao thông của các quốc lộ lớn là điều kiện thuận lợi trong việc lưu thông hàng hóa với các vùng lân cận.

Đường quốc lộ 21 đi qua xã Bình Yên, Thạch Hòa với 6 km. Đây là tuyến giao thông cầu nối quan trọng với các huyện khác: Thị xã Sơn Tây, Quốc Oai, Xuân Mai, có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế hàng hóa.

Đường quốc lộ 32 với chiều dài 3,5 km đi qua xã Đại Đồng.

Tuyến đại lộ Thăng Long dài 6,4 km đi qua xã Hà Bằng, Thạch Hòa, Đồng Trúc là tuyến cao tốc 6 đến 8 làn xe, đây cũng là tuyến huyết mạch giao thông nối đô thị Láng Hòa Lạc với trung tâm thành phố và gắn kết với hệ thống Ba Vì – Đồng Mô và sông Tích.

Đường tỉnh lộ 419 nối đường 32 với Láng Hòa Lạc và huyện Quốc Oai, đường đi qua các xã Đại Đồng, Phú Kim, thị trấn Liên Quan, Chàng Sơn, Thạch Xá, Bình Phú, Phùng Xá với chiều dài 13,5 km.

Đường tỉnh lộ 420 đi qua xã Bình Yên, Kim Quan, Phú Kim, Hương Ngải, Canh Nậu, Dị Nậu với chiều dài 15,23 km.

Tuyến tỉnh lộ 446 đi qua xã Yên Bình, Yên Trung, Tiến Xuân với chiều dài 3 km.

Các tuyến giao thông của huyện Thạch Thất đã tạo nên một hệ thống xương sống phủ kín khá rộng và thuận tiện cho việc đi lại, lưu thông vận chuyển hàng hóa từ thị trấn đi các địa phương của huyện cũng như các xã đi thị trấn và ra thành phố Hà Nội.

5.2. Hệ thống cấp nước

Trên địa bàn huyện chưa có hệ thống cấp nước sạch tập trung phục vụ cho sinh hoạt. Các nguồn nước người dân hiện đang sử dụng chủ yếu từ những nguồn nước như: Nước sạch từ chương trình cấp nước nông thôn; nước ngầm mạch nông (giếng đào); nước ao; nước mưa. Các nguồn nước này hầu như được sử dụng mà không qua xử lý.

Ngoài ra, trên địa bàn huyện cũng đã có một số hệ thống cấp nước cục bộ sử dụng nguồn nước ngầm tại chỗ với các hạng mục hoàn chỉnh như: trạm bơm

giếng nước thô, nhà máy nước, mạng lưới ống cấp nước sạch, ống cấp nước thô...

5.3. Hiện trạng thoát nước, quản lý chất thải rắn

- Nước thải sinh hoạt:

+ Chưa có hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt riêng.

+ Khu vực mới: nước thải mới chỉ được xử lý cục bộ qua bể tự hoại rồi thải trực tiếp ra hệ thống thoát nước mưa.

+ Khu vực làng xóm: nước thải một phần được thu gom làm phân bón, một phần thoát theo rãnh hoặc các vệt trũng ra ao, mương hiện có sau đó chảy ra hệ thống các mương tiêu chính rồi cuối cùng đổ ra sông.

- Nước thải sản xuất:

+ Một số trang trại chăn nuôi gia súc chưa có hệ thống hầm chứa biogas. Chất thải trong chăn nuôi vẫn xả ra môi trường.

+ Các doanh nghiệp trong khu công nghiệp cũng chưa có ý thức đầu nối vào nhà máy xử lý nước thải trong khu vực.

- Quản lý chất thải rắn

+ Khu vực đô thị: Chất thải rắn sinh hoạt đã được thu gom;

+ Đơn vị thu gom: công ty cổ phần đầu tư phát triển rau sạch sông Hồng. Tỷ lệ thu gom chất thải rắn.

6. Đánh giá về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội.

6.1. Những mặt lợi thế.

Thạch Thất có vị trí thuận lợi là cửa ngõ phía Tây thành phố, có hệ thống giao thông quan trọng chạy qua như: Đại lộ Thăng Long; quốc lộ 21A; quốc lộ 32, tỉnh lộ 446, 419; 420 đã tạo ra mạng lưới kết nối thuận lợi cho sự phát triển kinh tế, xã hội, tạo điều kiện cho Thạch Thất mở rộng quan hệ giao lưu kinh tế, văn hóa, xã hội với vùng kinh tế Tây Bắc, hành lang phát triển đường Hồ Chí Minh và với cả nước.

Nằm trên địa bàn huyện Thạch Thất có khu công nghệ cao Hòa Lạc, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội, khu đô thị vệ tinh Hòa Lạc đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đô thị sinh thái Phúc Thọ, đô thị Quốc Oai - Thạch Thất; đặc biệt huyện Thạch Thất có các làng nghề truyền thống rất phát triển và thuộc khu vực kinh tế trọng điểm của Trung ương nên có điều kiện phát huy tối đa nội lực của mình và tranh thủ được sự tác động từ các cực tăng trưởng.

Thạch Thất là huyện có tiềm năng thế mạnh về quỹ đất đai. Về mặt tự nhiên: với diện tích 18.752,51 ha, trong đó nhiều diện tích có thể chuyển đổi để xây dựng các khu đô thị mới, trường học, bệnh viện,; Về mặt sinh thái: huyện

Thạch Thất là vùng có thời tiết thuận lợi, khí hậu ôn hòa, thảm thực vật phong phú rất phù hợp cho cuộc sống của dân cư. Đặc biệt, Thạch Thất có nhiều loại đất nên thuận lợi trong việc đa dạng hóa các loại cây trồng. Đất phù sa vùng đồng bằng có độ phì cao, với nhiều loại địa hình nên có thể bố trí được nhiều loại cây trồng ngắn ngày, dài ngày, cây lương thực, cây công nghiệp và trồng rừng. Với diện tích mặt nước khá lớn, nhiều đầm, hồ là thế mạnh để kết hợp nuôi trồng thủy sản với kinh doanh du lịch sinh thái và dịch vụ. Trong bối cảnh huyện Thạch Thất đang trong vùng đô thị hóa nhanh, tiềm năng đất đai sẽ trở thành nguồn lực cho đầu tư phát triển và là yếu tố thu hút vốn của các nhà đầu tư vào địa bàn huyện.

Thạch Thất là vùng giao thoa giữa các nền văn hóa: văn hóa xứ Đoài, văn hóa Hòa Bình, văn hóa Thăng long - Hà Nội, do vậy huyện Thạch Thất có điều kiện kế thừa và nâng cao tinh hoa văn hóa dân tộc cũng như dung nạp có chọn lọc những tinh hoa văn hóa qua các thời đại... Tạo nên một bản sắc văn hóa đặc sắc riêng. Trên địa bàn huyện có nhiều di tích lịch sử, văn hóa có giá trị văn hóa và du lịch tâm linh, trong đời sống cộng đồng nhân dân còn lưu giữ nhiều lễ hội văn hóa truyền thống, cùng với sự phát triển làng nghề, huyện có nhiều tiềm năng khai thác cho phát triển các hoạt động du lịch, dịch vụ. Cảnh quan, địa hình thiên nhiên phong phú đa dạng có rừng núi, có sông Tích Giang uốn lượn, có chùa Tây Phương... là những tiềm năng lớn góp phần cải thiện môi trường sinh thái cũng như tạo địa bàn tham quan du lịch, nghỉ dưỡng lý tưởng trước nhịp sống căng thẳng của quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa.

Huyện Thạch Thất có nguồn lao động dồi dào với sức trẻ, nhân dân có truyền thống ham học, cần cù lao động, thông minh sáng tạo, có tinh thần cộng đồng gắn bó và có truyền thống văn hóa lâu đời, rất thuận lợi cho việc đào tạo nguồn nhân lực và phát triển các ngành nghề mới, nhất là trong bối cảnh đang đô thị hóa, công nghiệp hóa, đất đai bị thu hẹp. Thạch Thất cũng là vùng có nhiều làng nghề và ngành nghề truyền thống. Đây cũng là tiềm năng lớn cần chú ý đầu tư khai thác bằng cách vực dậy các làng nghề, ưu tiên quỹ đất dành cho tiểu thủ công nghiệp làng nghề, kết hợp sản xuất với tiêu thụ và phát triển du lịch.

Công tác quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện luôn được ổn định. Các cấp ủy Đảng, chính quyền nắm chắc tình hình, giải quyết tốt những vấn đề về an ninh, chính trị, đặc biệt là an ninh tôn giáo, an ninh nội bộ, chủ động phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả đối với các loại tội phạm, không để xảy ra bị động, bất ngờ.

6.2. Những khó khăn.

Diện tích đất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp, sản xuất nông nghiệp vẫn còn nhỏ lẻ, manh mún, các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn còn ít nên việc

thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp còn hạn chế, nhất là nông nghiệp công nghệ cao.

Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi còn chậm, các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, mô hình sản xuất theo chuỗi liên kết giá trị còn ít. Việc đầu tư phát triển chăn nuôi, thủy sản còn nhiều hạn chế.

Kinh phí đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn, nhất là kinh phí đầu tư xây dựng hạ tầng đường giao thông, thủy lợi nội đồng, nhà màng, nhà lưới, hệ thống điện,... chưa đáp ứng.

Cơ cấu lao động trong lĩnh vực nông nghiệp mất cân đối, lao động trẻ có xu hướng thoát ly nông nghiệp ngày càng gia tăng, chất lượng lao động chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển nông nghiệp trong bối cảnh hiện nay.

Chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm chưa cao, việc tiêu thụ nông sản phần lớn thông qua các tiểu thương, tiêu thụ thông qua hợp đồng số lượng còn hạn chế. Nguồn vốn hoạt động của các HTX nông nghiệp còn ít, việc tiếp cận các nguồn vốn vay, ưu đãi còn gặp nhiều khó khăn; thiếu trụ sở làm việc, trình độ của cán bộ HTX còn hạn chế, địa bàn hoạt động hẹp, hoạt động chủ yếu là các dịch vụ không có tính cạnh tranh cao, mang tính phục vụ nhân dân.

Việc đào tạo nghề cho nông dân, đặc biệt là nông dân ở những xã bị thu hồi, chuyển mục đích sử dụng nhiều đất nông nghiệp còn chưa đáp ứng yêu cầu.

Tình hình dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp, thu nhập từ sản xuất nông nghiệp còn thấp so với các ngành nghề khác, nông nghiệp đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như: thời tiết khí hậu bất thường, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi luôn có nguy cơ bùng phát.

Một số chính sách về nông nghiệp, nông thôn của Trung ương và thành phố còn chưa rõ ràng, khi vận dụng vào thực tế còn nhiều bất cập, thiếu cơ chế chính sách để thu hút mạnh mẽ các nguồn lực của xã hội, nhất là các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp.

Địa hình bán sơn địa khá phức tạp, có cả đồi núi, đồng bằng và vùng trũng, nhiều vùng đất chất lượng kém và do ảnh hưởng của địa hình nên khó khăn trong phát triển sản xuất nông nghiệp và xây dựng.

Làng nghề trên địa bàn huyện phát triển không đồng đều, chỉ phát triển mạnh ở một số xã. Đặc biệt, các xã nằm trong vùng quy hoạch khu công nghệ cao Hòa Lạc, đều không có làng nghề, khi bị thu hồi đất sẽ gặp khó khăn lớn về đời sống cũng như việc làm cho người lao động.

Hiệu quả sử dụng đất cho phát triển kinh tế - xã hội nhìn chung còn thấp, nhất là các khu vực có nhiều lợi thế cho phát triển đô thị, du lịch, dịch vụ, công nghiệp...

Tình hình ô nhiễm môi trường vẫn còn nhiều vấn đề bức xúc, ý thức bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất và của người dân chưa cao... đã ảnh hưởng không nhỏ đến phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong thời gian qua.

Hệ thống cơ sở hạ tầng tuy đã được cải thiện nhưng nhìn chung vẫn còn chưa đáp ứng và theo kịp tốc độ đô thị hóa, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

Mật độ dân số và tỷ lệ lao động trong nông nghiệp còn cao, số lượng lao động có tay nghề cao còn thấp chưa đáp ứng được yêu cầu của quá trình phát triển và hội nhập.

Phần thứ hai

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC

2.1. Đánh giá kết quả đạt thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

2.1.1. Hiện trạng sử dụng đất

Căn cứ số liệu Thông kê đất đai đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 huyện Thạch Thất và hiện trạng biến động sử dụng đất đai dự kiến 31/12/2024 của huyện Thạch Thất được xác định như sau:

Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 huyện Thạch Thất

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu %
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Đất nông nghiệp	NNP	10.494,83	55,96
	<i>Trong đó:</i>			-
1.1	Đất trồng lúa	LUA	5.266,44	28,08
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>4.949,25</i>	<i>26,39</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	749,28	4,00
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.520,42	8,11
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	-	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	854,04	4,55
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	1.635,92	8,72
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	358,30	1,91
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	110,44	0,59
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	8.237,44	43,93
	<i>Trong đó:</i>			-
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1.249,95	6,67
2.2	Đất an ninh	CAN	77,23	0,41
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	359,90	1,92
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	104,20	0,56
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	102,33	0,55
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	229,63	1,22
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	11,08	0,06
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	3.327,18	17,74
	<i>Trong đó:</i>			-
-	Đất giao thông	DGT	1.576,18	8,41
-	Đất thủy lợi	DTL	265,08	1,41

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu %
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	16,73	0,09
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	6,65	0,04
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	958,95	5,11
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	58,23	0,31
-	Đất công trình năng lượng	DNL	2,81	0,01
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,83	0,00
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	-	-
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	3,56	0,02
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	7,28	0,04
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	22,88	0,12
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	127,00	0,68
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH	272,44	1,45
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,19	0,00
-	Đất chợ	DCH	8,40	0,04
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	67,79	0,36
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,58	0,00
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	198,87	1,06
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.928,91	10,29
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	34,10	0,18
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	13,38	0,07
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	49,83	0,27
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	16,68	0,09
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	184,42	0,98
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	274,70	1,46
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,61	0,01
3	Đất chưa sử dụng	CSD	20,23	0,11

Tổng diện tích tự nhiên của huyện: 18.752,51 ha, trong đó:

- Nhóm đất nông nghiệp: 10.494,83 ha, chiếm 56,96%;
- Nhóm đất phi nông nghiệp: 8.237,44 ha, chiếm 43,93%;
- Nhóm đất chưa sử dụng: 20,23 ha, chiếm 0,11%.

2.1.2. Kết quả thực hiện công trình, dự án trong Kế hoạch 2024

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thạch Thất được HĐND thành phố thông qua thu hồi đất tại các Nghị quyết: số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023; số 05/NQ-HĐND ngày 29/03/2024; số 20/NQ-HĐND ngày 02/7/2024; số 36/NQ-HĐND ngày 04/10/2024 của HĐND Thành phố thông qua danh mục các dự án thu hồi đất năm 2024; dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2024 trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội; các Quyết định: số 424/QĐ-UBND ngày 22/01/2024; số 2092/QĐ-UBND ngày 19/4/2024; số 3914/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 của UBND thành phố về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thạch Thất.

Tổng số công trình dự án trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thạch Thất là 191 công trình, dự án (Trong đó: có 147 dự án/587,14 ha thực hiện thu hồi đất; 44 dự án không thực hiện thu hồi đất). Kết quả thực hiện như sau:

- Số công trình, dự án đã hoàn thành hoặc có quyết định giao đất của UBND Thành phố Hà Nội là: 10/191 dự án (đạt 5,24%), diện tích 14,91 ha. Trong đó: Dự án hoàn thành sử dụng vốn ngân sách Trung ương, Thành phố là: 04 dự án, diện tích 1,69 ha; Dự án hoàn thành sử dụng vốn ngân sách Huyện là: 06 dự án, diện tích 13,22 ha.

- Số công trình, dự án đã hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng là: 19/191 dự án (đạt 9,95%), diện tích 35,40 ha. Trong đó: Dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương, thành phố là: 02 dự án, diện tích 19,5 ha; Dự án sử dụng vốn ngân sách Huyện là 16 dự án, diện tích 15,62 ha; Dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách là: 01 dự án, diện tích 0,28 ha.

- Số công trình, dự án đã cắm mốc giải phóng mặt bằng, chưa thực hiện thu hồi đất là: 24/191 dự án (đạt 12,57%), diện tích 97,44 ha. Trong đó: Dự án sử dụng vốn ngân sách Huyện là: 22 dự án, diện tích 51,44 ha; Dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách là: 02 dự án, diện tích 46 ha.

- Số công trình, dự án đang triển khai thực hiện thu hồi đất là: 34/191 dự án (đạt 17,8%), diện tích 369,82 ha. Trong đó: diện tích đã thực hiện thu hồi đất là 191,10 ha, cụ thể: Dự án sử dụng vốn ngân sách Trung ương, Thành phố là: 05 dự án, diện tích 241,17 ha; Dự án sử dụng vốn ngân sách Huyện là: 27 dự án, diện tích 113,01 ha; Dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách là: 02 dự án, diện tích 15,64 ha.

- Số công trình, dự án chưa triển khai thực hiện là: 84/191 dự án (chiếm 43,98%), diện tích 239,95 ha. (Trong đó: số dự án 02 năm liên tiếp chưa thực

hiện thu hồi đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất là: 37 dự án, diện tích 113,73 ha), Cụ thể: Dự án sử dụng vốn ngân sách Trung ương, thành phố: 18 dự án, diện tích 8,77 ha; Dự án sử dụng vốn ngân sách Huyện: 62 dự án, diện tích 207,20 ha; Dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách: 04 dự án, diện tích 23,98 ha.

- Số công trình, dự án không thực hiện, đưa ra khỏi kế hoạch sử dụng đất là: 20/191 dự án (chiếm 10,47%), diện tích 30,39 ha. Trong đó: Dự án sử dụng vốn ngân sách Trung ương, thành phố: 03 dự án, diện tích 0,62 ha; Dự án sử dụng vốn ngân sách Huyện: 17 dự án, diện tích 29,77 ha.

2.1.3. Kết quả thực hiện chỉ tiêu sử dụng đất trong Kế hoạch 2024

Trên cơ sở hiện trạng thống kê đất đai năm 2023 và đánh giá kết quả thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với các công trình, dự án đã thực hiện, hoàn thành thủ tục tài chính trên địa bàn huyện trong năm 2024 với chỉ tiêu sử dụng đất được UBND thành phố phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024. Kết quả thực hiện như sau:

a). Phân tích đất nông nghiệp

Diện tích thực hiện đất nông nghiệp năm 2024 là 10.494,26 ha, chênh lệch cao hơn 476,63 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2024 (10.017,64 ha), đạt 104,76 %.

Kết quả thực hiện các loại đất trong nhóm đất nông nghiệp như sau:

- Đất trồng lúa: Diện tích kế hoạch 4.950,64 ha, kết quả thực hiện 5.265,87 ha, diện tích chênh lệch cao hơn 315,23 ha so với kế hoạch được duyệt, tỷ lệ 106,37 %.

Nguyên nhân kết quả thực hiện vẫn còn cao hơn do một số dự án có diện tích thu hồi đất trồng lúa trong kỳ kế hoạch chưa thực hiện được như: Xây dựng trường tiểu học Phú Kim; Xây dựng đường trục phát triển kinh tế xã hội Bắc Nam đoạn qua huyện Thạch Thất giai đoạn 2 từ Km10+770-km14+200 (Nghĩa trang Thạch Xá đến TL420); Xây dựng nghĩa trang nhân dân thị trấn Liên Quan; Xây dựng mới đường ĐH11 (đoạn từ ĐH10 Tân Xã đi 420 Bình Yên)...

- Đất trồng cây hàng năm: Diện tích kế hoạch 727,31 ha, kết quả thực hiện 749,28 ha, cao hơn 21,97 ha so với kế hoạch được duyệt, đạt 103,02 %.

- Đất trồng cây lâu năm: Diện tích kế hoạch 1.415,58 ha, kết quả thực hiện 1.520,42 ha, cao hơn 104,85 ha so với kế hoạch được duyệt, tỷ lệ 107,41%. Nguyên nhân diện tích thực hiện chưa hết chỉ tiêu do một số dự án thu hồi vào đất trồng cây lâu năm nhưng chưa thực hiện, như: Xây dựng tuyến đường cao tốc đại lộ Thăng Long, đoạn nối từ Quốc lộ 21 đến cao tốc Hà Nội- Hoà Bình;

Trồng cây dược liệu lâu năm kết hợp Trung tâm dưỡng lão sinh thái tại xã Cần Kiệm, huyện Thạch Thất...

- Đất rừng đặc dụng: Diện tích kế hoạch 854,0ha, thực hiện năm 2024 là không thay đổi so với hiện trạng sử dụng đất.

- Đất rừng sản xuất: Diện tích kế hoạch 1.581,18 ha, thực hiện năm 2024 là 1.635,92 ha, cao hơn 54,74 ha, tỷ lệ 103,46%. Nguyên nhân diện tích kế hoạch thấp hơn do trong năm xác định thực hiện chuyển mục đích sang khu sinh thái nhưng chưa thực hiện.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích kế hoạch 357,44 ha, kết quả thực hiện 358,30 ha, cao hơn 0,86 ha so với kế hoạch được duyệt, đạt 100,24 %.

- Đất nông nghiệp khác: Diện tích kế hoạch 131,46 ha, kết quả thực hiện 110,44 ha, thấp hơn 21,02 ha so với kế hoạch được duyệt, đạt 84,01%. Nguyên nhân giảm là do chưa thực hiện một số dự án có thu hồi đất nông nghiệp khác.

b). Phân tích đất phi nông nghiệp

Diện tích đất phi nông nghiệp năm 2024 là 8.238,01 ha, thấp hơn 479,63 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt (8.714,64 ha), đạt 94,53%.

Nguyên nhân thấp do các dự án sử dụng mục đích đất phi nông nghiệp chưa thực hiện trong năm kế hoạch như: Cải tạo nâng cải đường tỉnh lộ 446 (đoạn km 0+00 đến km10+800) huyện Thạch Thất; Xây dựng đường trục phát triển kinh tế xã hội Bắc Nam đoạn qua huyện Thạch Thất (giai đoạn 1 từ Km14 + 200 đến Km18 + 500); Trụ sở công an xã Tiến Xuân; Xây dựng mới trạm biến áp 220/110kV Hòa Lạc và phần nối cấp 110/22kV...

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu trong nhóm đất phi nông nghiệp như sau:

- Đất quốc phòng: Diện tích kế hoạch 1.249,95 ha, kết quả thực hiện không thay đổi so với hiện trạng sử dụng đất.

- Đất an ninh: Diện tích kế hoạch 81,40 ha, kết quả thực hiện 77,23 ha, thấp hơn 4,17 ha so với kế hoạch được duyệt.

Nguyên nhân thấp hơn do một số dự án chưa thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra như xây dựng trụ sở làm việc công an các xã Phú Kim, Đại Đồng , Bình Yên, Tiến Xuân...

- Đất khu công nghiệp: Diện tích đất khu công nghiệp được duyệt theo kế hoạch là 359,90 ha, kết quả thực hiện không thay đổi so với kế hoạch được duyệt.

- Đất cụm công nghiệp: Diện tích kế hoạch được duyệt 160,78 ha, kết quả thực hiện 104,20 ha, thấp hơn 56,58 ha, đạt 64,81% so với chỉ tiêu phê duyệt. Diện tích chưa thực hiện đạt so với kế hoạch. Tuy nhiên trong năm thực hiện kế hoạch đã thực hiện thu đất trên 10,0 ha tại Cụm công nghiệp làng nghề Chàng Sơn (giai đoạn 2).

- Đất thương mại – dịch vụ: Diện tích theo kế hoạch được duyệt là 161,10 ha; kết quả thực hiện 102,33 ha, thấp hơn 58,77 ha so với kế hoạch được duyệt.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Diện tích được duyệt là 230,58 ha, kết quả thực hiện 229,89 ha, thực hiện thấp hơn 0,69 ha, đạt 99,70%.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gốm: Diện tích được duyệt 229,89 ha ha, kết quả thực hiện là 229,63 ha, thấp hơn 0,26 ha so với kế hoạch được duyệt.

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: Diện tích kế hoạch 3.617,50 ha, thực hiện là 3.327,20 ha, thấp hơn 290,30 ha so với kế hoạch được duyệt, đạt 91,98%.

Nguyên nhân thấp do một số dự án chưa được thực hiện theo đúng năm kế hoạch: Xây dựng tuyến đường cao tốc đại lộ Thăng Long, đoạn nối từ Quốc lộ 21 đến cao tốc Hà Nội- Hòa Bình; Cải tạo, nâng cấp đường từ ĐH 24 đi thôn 2 và thôn 5 đi CNC xã Hạ Bằng; Xây dựng đường trục phát triển kinh tế xã hội Bắc Nam đoạn qua huyện Thạch Thất giai đoạn 1 từ Km14 + 200-Km18 + 500 (đường TL419 cầu Liêu đến Đại lộ Thăng Long)...

Trong đó:

+ Đất giao thông: Diện được duyệt 1.777,99 ha, kết quả thực hiện năm 2024 là 1.576,18 ha, thấp hơn 201,81 ha so với chỉ tiêu được duyệt, đạt 88,38%. Nguyên nhân chỉ tiêu đất giao thông thực hiện còn thấp hơn do các dự án về giao thông thường gặp khó khăn, vướng mắc như xác định về diện tích, nguồn gốc đất, giá đất khi thực hiện công tác GPMB, nên thường kéo dài hơn trong năm kế hoạch sử dụng đất;

+ Đất thủy lợi: Diện tích được duyệt theo kế hoạch 269,93 ha, kết quả thực hiện 265,08 ha, thấp hơn 4,85 ha, đạt 98,20% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt;

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa: Diện tích được duyệt theo kế hoạch 24,84 ha, kết quả thực hiện 16,73 ha, thấp hơn 8,11 ha, đạt 67,35% so với chỉ tiêu kế hoạch được phê duyệt;

+ Đất xây dựng cơ sở y tế: Diện tích được duyệt theo kế hoạch 11,36 ha, kết quả thực hiện 6,55 ha, thấp hơn 4,71 ha, đạt 58,55% so với chỉ tiêu kế hoạch được phê duyệt;

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục – đào tạo: Diện tích được duyệt theo kế hoạch 1.000,97 ha, kết quả thực hiện 958,95 ha, thấp hơn 42,02 ha, đạt 95,80% so với chỉ tiêu kế hoạch được phê duyệt;

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: Diện tích được duyệt theo kế hoạch 69,83 ha, kết quả thực hiện 58,23 ha, thấp hơn 11.60 ha, đạt 83,39% so với chỉ tiêu kế hoạch được phê duyệt;

+ Đất công trình năng lượng: Diện tích được duyệt theo kế hoạch 6,79 ha, kết quả thực hiện 2,81 ha, thấp hơn 3,98 ha, đạt 41,39% so với chỉ tiêu kế hoạch được phê duyệt;

+ Đất công trình bưu chính, viễn thông: Diện tích được duyệt theo kế hoạch 0,83 ha, kết quả thực hiện không thay đổi so với kế hoạch được duyệt;

+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên: Diện tích được duyệt theo kế hoạch 71,79 ha, kết quả thực hiện 71,34 ha, thấp hơn 0,45 ha. Nguyên nhân diện tích thấp hơn do dự kiến trong năm kế hoạch thực hiện nạo vét kè ao rôi chùa Tây Phương nhưng chưa thực hiện;

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải: Diện tích được duyệt theo kế hoạch 7,48 ha, kết quả thực hiện 7,28 ha, thấp hơn 0,2 ha, đạt 97,33% so với chỉ tiêu kế hoạch được phê duyệt;

+ Đất cơ sở tôn giáo: Diện tích được duyệt theo kế hoạch 22,88 ha, kết quả thực hiện không thay đổi so với kế hoạch được duyệt;

+ Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Diện tích được duyệt theo kế hoạch 139,58 ha, kết quả thực hiện 127,0 ha, thấp hơn 12,58 ha, đạt 90,99% so với chỉ tiêu kế hoạch được phê duyệt;

+ Đất xây dựng cơ sở khoa học: Diện tích được duyệt theo kế hoạch 272,44 ha, kết quả thực hiện không thay đổi so với kế hoạch được duyệt;

+ Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội: Diện tích được duyệt theo kế hoạch 0,19 ha, kết quả thực hiện không thay đổi so với kế hoạch được duyệt;

+ Đất chợ: Diện tích được duyệt theo kế hoạch 8,39 ha, kết quả thực hiện không thay đổi so với kế hoạch được phê duyệt.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: Diện tích kế hoạch được duyệt 199,44 ha, diện tích không thay đổi so với hiện trạng.

- Đất ở tại nông thôn: Diện tích kế hoạch 1.983,66 ha, kết quả thực hiện 1.928,91 ha, thấp hơn 54,75 ha so với kế hoạch được duyệt, đạt 97,24%. Kết quả thu hồi đất trong năm 2024 là 12,46 ha. Tuy nhiên những dự án chưa triển khai thực hiện chiếm phần lớn, như: Xây dựng HTKT khu đấu giá tại thôn 3 xã Hạ Bằng; Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất tại khu Đồng Cam, thị trấn Liên Quan; Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất khu trung tâm xã Đại Đồng; Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Phú Lễ, xã Cần Kiệm...

- Đất ở tại đô thị: Diện tích kế hoạch 41,94 ha, kết quả thực hiện 34,10 ha, thấp hơn 7,84 ha so với kế hoạch được duyệt, đạt 81,31%. Nguyên nhân chưa thực hiện chưa đạt do trong kỳ kế hoạch chưa triển khai thực hiện dự án Xây dựng khu tái định cư thị trấn Liên Quan.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Diện tích kế hoạch 67,62 ha, kết quả thực hiện 63,20 ha, thấp hơn 4,42ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân kết quả thực hiện thấp hơn do trong năm kế hoạch dự kiến thực hiện các dự án xây dựng trụ sở Đảng ủy HĐND – UBND các xã Đồng Trúc, Yên Bình, Đại Đồng; Trụ sở viện kiểm sát nhân dân nhưng chưa thực hiện.

- Đất tín ngưỡng: Diện tích kế hoạch 16,68 ha, kết quả thực hiện không thay đổi so với kế hoạch được duyệt.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Diện tích được duyệt 4598,66 ha, kết quả thực hiện 459,12 ha, cao hơn 0,46 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất phi nông nghiệp khác: Diện tích kế hoạch 1,60 ha, thực hiện không thay đổi so với kế hoạch được duyệt.

c). Phân tích đất chưa sử dụng

Nhóm đất chưa sử dụng năm 2024 của huyện là 20,23 ha, diện tích không thay đổi so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do dự kiến trong năm kế hoạch thực hiện dự án xây dựng cầu Phú Kim sẽ sử dụng vào đất chưa sử dụng, tuy nhiên đến nay dự án chưa triển khai thực hiện.

2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

2.2.1. Những mặt tích cực

UBND huyện Thạch Thất đã triển khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đảm bảo đúng quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành luật, đã đạt được một số kết quả khả quan, sử dụng hợp lý quỹ đất đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho xây dựng cơ sở hạ tầng góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, ổn định tình hình xã hội trên địa bàn huyện.

- Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện là căn cứ để thực hiện việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn.

- Việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm góp phần đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý nhà nước về đất đai từ huyện đến các xã.

- Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cơ bản đã dự báo được nhu cầu sử dụng đất của địa phương, các ngành sát với thực trạng phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, góp phần thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế và ổn định tình hình xã hội.

- Đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

Tuy nhiên, đến nay kết quả thực hiện các dự án nằm trong danh mục kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thạch Thất còn chưa cao. Nhiều công trình, dự án đăng ký thực hiện trong năm kế hoạch nhưng chưa tổ chức thực hiện.

2.2.2. Mặt tồn tại

- Kế hoạch sử dụng đất huyện được lập cho một năm nên chỉ phản ánh được nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực và của các phường trong năm kế hoạch mà không đảm bảo được tính khả thi của các dự án đăng ký thực hiện do không thể chủ động nắm bắt được khả năng về vốn của chủ đầu tư, đặc biệt là những dự án có nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách Nhà nước; dẫn đến tính khả thi của phương án kế hoạch sử dụng đất chưa cao. Nhiều công trình, dự án đăng ký thực hiện nhưng do không có vốn hoặc chậm làm thủ tục nên chưa triển khai thực hiện được theo Kế hoạch sử dụng đất.

- Theo Quyết định số 705/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch chung đô thị Hoà Lạc, các dự án thuộc các xã nằm trong địa giới khu đô thị Hoà Lạc khi thực hiện phải xin ý kiến các Sở, ngành đảm bảo phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Một số dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách được UBND tỉnh Hoà Bình (trước đây) thu hồi đất, giao đất phải dừng triển khai chờ điều chỉnh quy hoạch theo quy hoạch chung xây dựng Thủ đô, hiện đang được UBND Thành phố, các sở ngành thành phố kiểm tra, rà soát, xử lý theo quy định.

- Về trình tự, thủ tục: Thủ tục, quy trình lập hồ sơ thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ GPMB và tái định cư, giao đất để thực hiện dự án mất nhiều thời gian dẫn đến nhiều công trình, dự án không đạt tiến độ thực hiện trong năm Kế hoạch; Một số dự án đã hoàn thành công tác GPMB nhưng chủ đầu tư chưa hoàn thiện thủ tục giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (nhiều chủ đầu tư khi hoàn thành GPMB, tổ chức thi công nhưng không hoàn thiện hồ sơ xin giao đất mặc dù được đôn đốc nhiều lần).

- Về chính sách: Chính sách đầu tư, chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vẫn còn những tồn tại nhất định, dẫn tới thời gian triển khai các dự án phải kéo dài.

- Về bố trí nguồn vốn thực hiện: Một số dự án còn gặp khó khăn trong việc bố trí vốn trong năm kế hoạch dẫn đến chậm triển khai.

2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.

Sau khi kế hoạch sử dụng đất của huyện được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, Ủy ban nhân dân huyện đã công bố công khai toàn bộ tài liệu kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt tại trụ sở Ủy ban nhân dân huyện, đồng thời tiếp tục thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất, thường xuyên kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch đối với các khu đất đã được thu hồi đất, giao đất trên địa bàn huyện.

Tuy nhiên, một số hạng mục, công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 chưa thực hiện và được chuyển sang kế hoạch sử dụng đất năm 2025 và các năm tiếp theo, do một số nguyên nhân:

- Nguyên nhân khách quan:

Phụ thuộc vào các quy định của pháp Luật Đất đai, danh mục các dự án kế hoạch sử dụng đất xác định một trong những căn cứ pháp lý giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất, do khi lập kế hoạch sử dụng đất một số dự án không có tính khả thi cao nhưng khuynh hướng là đưa vào kế hoạch sử dụng đất để có cơ sở pháp lý khi Nhà nước ra quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất vì vậy kế hoạch sử dụng đất đạt hiệu quả thấp so với chỉ tiêu đã được phê duyệt;

Kế hoạch sử dụng đất thường chưa tính hết khả năng về tài chính bởi phụ thuộc vào nhu cầu và khả năng đầu tư của xã hội và Nhà nước...(hiện nay đang thực hiện những giải pháp kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, cắt giảm ngân sách các dự án thông thường chỉ tập trung bố trí vốn cho một số dự án công trình cấp bách của xã hội) dẫn đến một số dự án, công trình không triển khai thực hiện được.

Quy trình lập hồ sơ xin giao đất, cho thuê đất, xử lý vi phạm trên địa bàn và xét cấp GCN quyền sử dụng đất còn phức tạp, liên quan nhiều thủ tục, nhiều sở, ngành, thời gian, nghĩa vụ tài chính...

- Nguyên nhân chủ quan:

Sự quan tâm chỉ đạo của chính quyền địa phương chưa thường xuyên, sâu sát và chưa chủ động, tích cực, chưa coi trọng việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất, kế hoạch cấp GCN QSD đất.

Sự gắn kết giữa quy hoạch sử dụng đất với các quy hoạch khác còn nhiều bất cập và khó khăn; đặc biệt là quy hoạch xây dựng, quy hoạch giao thông do không thống nhất nhau về thời kỳ quy hoạch, tiêu chí phân loại đất, định mức và chỉ tiêu loại đất ...

Phần thứ ba

LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025

3.1. Định hướng phát triển kinh tế - xã hội năm 2025

Trên cơ sở phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện năm 2025, tiềm năng đất đai, các quan điểm định hướng sử dụng đất... Nhu cầu sử dụng của các ngành, các lĩnh vực, các xã, thị trấn, chỉ tiêu sử dụng đất năm 2025 trên địa bàn huyện như sau:

*** Quan điểm phát triển:**

Phát triển kinh tế xã hội huyện Thạch Thất năm 2025 và những năm tiếp theo dựa trên các quan điểm sau:

- Phát huy được những lợi thế so sánh về vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên, lao động, đồng thời tranh thủ sự chỉ đạo, giúp đỡ của thành phố, các bộ, ngành ở Trung ương.

- Phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố đến năm 2030 và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện đến năm 2030.

- Đảm bảo phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế phải gắn với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố an ninh quốc phòng và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Chủ động hội nhập kinh tế khu vực, mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế với các huyện và các tỉnh lân cận.

*** Mục tiêu phát triển:**

Phát triển kinh tế với nhịp độ tăng trưởng nhanh, chất lượng cao và bền vững hơn so với các năm trước và tương đương với mức tăng trưởng kinh tế của thành phố. Đẩy mạnh hơn nữa chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng dịch vụ - thương mại, công nghiệp - xây dựng để đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nền kinh tế.

Chú trọng khai thác mọi nguồn lực để đầu tư phát triển kinh tế nông nghiệp tập chung, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng tăng nhanh tỷ trọng ngành chăn nuôi, thực hiện có hiệu quả các dự án sản xuất hàng hoá.

Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, đi đôi với phát triển kinh tế tập trung ưu tiên cho phát triển giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng thiết chế, đảm bảo củng cố chính quyền cấp cơ sở, nâng cao đời sống vật chất, văn

hoá và tinh thần của dân cư. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường.

*** Mục tiêu tổng quát:**

Tiếp tục tuyên truyền, vận động doanh nghiệp, hộ sản xuất và nhân dân trong huyện duy trì sản xuất kinh doanh trong trạng thái bình thường, đảm bảo vừa phát triển sản xuất kinh doanh vừa thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh; Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh; thúc đẩy tăng trưởng kinh tế huyện phát triển nhanh và bền vững; Tập trung đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư ngoài ngân sách vào lĩnh vực y tế, giáo dục, đầu tư hạ tầng kỹ thuật các Cụm công nghiệp làng nghề, Trung tâm thương mại, siêu thị, chợ, cây xăng...; Tăng cường công tác thu ngân sách Nhà nước; tập trung tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và hộ kinh doanh, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh, huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển; quan tâm phát triển sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế; Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công; thực hiện tốt công tác đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống nhân dân; làm tốt hơn nữa công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch, trật tự xây dựng và đô thị; Tiếp tục chỉ đạo rà soát các dự án đầu tư công, các dự án ngoài ngân sách để đề xuất cập nhật trong Quy hoạch phân khu và Quy hoạch chi tiết Đô thị Hòa Lạc; Tiếp tục huy động tối đa nguồn vốn để nâng cao chất lượng các tiêu chí tại 21 xã đã đạt chuẩn nông thôn mới; đảm bảo quốc phòng, an ninh và giữ vững trật tự an toàn xã hội; đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3.2. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất và xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất trong nhóm đất.

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024, Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ, Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025, dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2025, các tiêu chí cụ thể sau:

a) Dự án phù hợp Điều 67, 79, 116, 126 Luật đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024, Điều 21, 46 Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024. Khoản 2 Điều 8 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; Quyết định số 2028/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường: về thành phần hồ sơ chuyển mục đất trồng lúa, trong đó: Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công) mà tại thời điểm gửi hồ sơ văn bản còn hiệu lực thực hiện.

b) Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Thạch Thất được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 5151/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; quy hoạch chung xây dựng huyện Thạch Thất được UBND

thành phố phê duyệt tại Quyết định 5785/QĐ-UBND ngày 07/11/2014; quy hoạch chung thị trấn Liên Quan được UBND thành phố Quyết định 6123/QĐ-UBND ngày 21/11/2014; quy hoạch chung đô thị Hòa Lạc được Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 705/QĐ-TTg ngày 28/5/2020.

c). Tiêu chí lập danh mục các dự án thu hồi đất:

(1) Phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030; quy hoạch xây dựng; quy hoạch đô thị được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

(2) Thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 79 Luật Đất đai năm 2024 (đã có chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp lập danh mục đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất);

(3) Đối với các dự án thực hiện theo hình thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất:

d). Thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 79 Luật Đất đai; trong đó đối với dự án quy định tại khoản 27 Điều 79 Luật Đất đai thì phải đáp ứng các tiêu chí do HĐND Thành phố quy định.

- Có quy hoạch chi tiết hoặc có quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.

(4) Đối với các dự án thu hồi đất để đấu giá quyền sử dụng đất: Thuộc trường hợp theo quy định tại khoản 26, 27 Điều 79 Luật Đất đai và khoản 2, 3 Điều 41 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ (đã có quyết định phê duyệt dự án đầu tư theo quy định của pháp luật).

(5) Đảm bảo khả năng đầu tư, huy động nguồn lực để thực hiện trong năm kế hoạch sử dụng đất.

- Tiêu chí lập danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất.

(1) Phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030; quy hoạch xây dựng; quy hoạch đô thị được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

(2) Có chủ trương đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

(3) Trường hợp chuyển mục đích từ 02ha đất trở lên phải đảm bảo theo Khoản 1 Điều 46 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ:

- Có phương án trồng rừng thay thế hoặc văn bản hoàn thành trách nhiệm nộp tiền trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp;

- Có phương án sử dụng tầng đất mặt theo quy định của pháp luật về trồng trọt;

- Có đánh giá sơ bộ tác động môi trường hoặc đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

(4) Trường hợp chuyển mục đích dưới 02ha phải đảm bảo:

- Có phương án trồng rừng thay thế hoặc văn bản hoàn thành trách nhiệm nộp tiền trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp;

- Có phương án sử dụng tầng đất mặt theo quy định của pháp luật về trồng trọt.

e) Đối với các trường hợp sử dụng vào mục đích an ninh, quốc phòng theo quy định tại Điều 78 Luật Đất đai năm 2024:

- Quyết định đầu tư xây dựng công trình, quốc phòng, an ninh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền gồm các nội dung liên quan đến việc sử dụng đất hoặc quyết định phê duyệt quy hoạch vị trí đóng quân của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;

- Bản vẽ chỉ giới đường đỏ và quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 hoặc quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc bản vẽ ranh giới quy hoạch tỷ lệ 1/500.

3.2.1. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại Khoản 4 Điều 67 Luật đất đai.

Chỉ tiêu loại đất các công trình, dự án đăng ký thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 và kế hoạch sử dụng đất năm 2025 được xác định theo quy định tại Khoản 4 Điều 67 Luật đất đai là 10 dự án, diện tích 2,16 ha, trong đó: 09 dự án chuyển tiếp mục đích sử dụng đất an ninh do Bộ công an phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; 01 dự án đăng ký mới do Tòa án nhân dân tối cao phê duyệt dự án). Cụ thể:

- + Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Đại Đồng: 0,22 ha;
- + Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Yên Trung, huyện Thạch Thất: 0,2 ha;
- + Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Tân Xã, huyện Thạch Thất: 0,22 ha;
- + Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Hương Ngải: 0,13 ha;
- + Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Bình Yên, huyện Thạch Thất: 0,15 ha;
- + Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Hạ Bằng, huyện Thạch Thất: 0,21 ha;
- + Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Phú Kim, huyện Thạch Thất: 0,24 ha;

- + Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Lại Thượng: 0,19 ha;
- + Trụ sở làm việc công an xã Cần Kiệm: 0,1 ha;
- + Xây dựng trụ sở làm việc Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, diện tích 0,5 ha tại Thị trấn Liên Quan.

3.2.2. Chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai thực hiện trong năm kế hoạch sử dụng đất.

Chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất của các công trình, dự án thu hồi đất theo Điều 78 và Điều 79 được xác định trong kế hoạch sử dụng đất là: 131 dự án, diện tích thu hồi 265,44 ha, trong đó: 123 dự án chuyển tiếp; 08 dự án đăng ký mới. Cụ thể chỉ tiêu các loại đất như sau:

a). Đất chợ: Chỉ tiêu sử dụng đất cần thu hồi là 0,06 ha để thực hiện dự án: Cải tạo, nâng cấp mở rộng chợ nông thôn xã Yên Trung.

b). Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên: Chỉ tiêu sử dụng đất cần thu hồi là 0,52 ha để thực hiện các dự án:

- + Tu bổ, tôn tạo di tích Mộ và nhà thờ Phùng Khắc Khoan;
- + Mở rộng nâng cấp đền thờ Liệt sỹ xã Phùng Xá;
- + Kè ao rỗi chùa Tây Phương xã Thạch Xá.

c). Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: Chỉ tiêu sử dụng đất cần thu hồi trong kế hoạch sử dụng đất là 15,11 ha để thực hiện các dự án:

- + Trường phổ thông có nhiều cấp học tiên tiến, hiện đại huyện Thạch Thất: 6,3 ha;
- + Xây dựng trường Mầm non Minh Hà xã Canh Nậu (điểm mới): 1 ha;
- + Mở rộng, xây dựng học, nhà đa năng, phụ trợ Trường THCS Chàng Sơn: 0,75 ha;
- + Xây dựng, mở rộng trường mầm non Yên Bình (điểm thôn Thuồng): 0,16 ha;
- + Xây mới 24 phòng học, phòng bộ môn. hiệu bộ, bếp, sân vườn, phụ trợ trường Mầm non Chàng Sơn: 0,03 ha;
- + Xây dựng trường Tiểu học Minh Hà B xã Canh Nậu (xây điểm mới): 0,21 ha;
- + Xây dựng mới 20 phòng học, 9 phòng bộ môn, hiệu bộ, khu giáo dục thể chất, sân vườn, phụ trợ trường THCS Đồng Trúc: 0,05 ha;
- + Xây dựng, mở rộng trường mầm non trung tâm xã Thạch Xá: 0,01 ha;
- + Xây mới phòng học, cải tạo nhà lớp học, hiệu bộ, khu giáo dục thể chất,

sân vườn, phụ trợ trường THCS Minh Hà: 0,82 ha;

+ Xây dựng trường mầm non Cần Kiệm (xây điểm mới): 0,75 ha;

+ Xây dựng mới trường Tiểu học Phú Kim: 0,75 ha;

+ Xây dựng trường mầm non Kim Quan: 0,1 ha;

+ Xây dựng, cải tạo trường Tiểu học Chàng Sơn: 0,275 ha;

+ Mở rộng khuôn viên, xây dựng bổ sung phòng học, phòng bộ môn, phụ trợ trường mầm non 19/5: 0,46 ha;

+ Cải tạo nhà lớp học, xây nhà đa năng kết hợp nhà ăn và phụ trợ trường Tiểu học Đồng Trúc: 0,15 ha;

+ Mở rộng, xây dựng, cải tạo trường Tiểu học Cẩm Yên: 0,279 ha;

+ Xây dựng trường tiểu học Bình Yên: 0,6 ha;

+ Trường THPT Hai Bà Trưng huyện Thạch Thất: 1,915 ha;

+ Mở rộng, xây phòng học, nhà đa năng, phụ trợ trường THCS Thạch Xá: 0,5 ha.

d). Đất công trình giao thông: Chỉ tiêu sử dụng đất cần thu hồi trong kế hoạch sử dụng đất là 129,78 ha để thực hiện các dự án:

+ Nâng cấp, mở rộng đường giao thông thoát nước xã Kim Quan (đường Kim Trung 2): 0,6 ha;

+ Cải tạo nâng cấp đường tỉnh lộ 446 (đoạn km 0+00 đến km10+800) huyện Thạch Thất: 23 ha;

+ Hạ tầng ngoài CNC Hòa Lạc (đường từ TL 420-đường E CNC Hòa Lạc, huyện Thạch Thất: 4,5 ha;

+ Cải tạo, nâng cấp đường giao thông trục chính xã Lại Thượng: 2 ha;

+ Xây dựng đường trục phát triển kinh tế xã hội Bắc Nam đoạn qua huyện Thạch Thất (giai đoạn 1 từ Km14 + 200 đến Km18 + 500) : 23,52 ha;

+ Xây dựng hạ tầng ngoài hàng rào bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thất: 1,4 ha;

+ Cải tạo nâng cấp đường tỉnh 420 đoạn từ Km0+00 đến Km7+428 (Ngã ba Hòa Lạc - Ngã ba thị trấn Liên Quan): 15,61 ha;

+ Đường từ chùa Bảo Quang đi khu đầu giá Mả Cốc xã Thạch Xá: 0,28 ha;

+ Đường H 14: đoạn Cần Kiệm đi Hạ Bằng (CNC Hòa Lạc): 4,99 ha;

+ Đầu tư xây dựng Cầu Cần Kiệm: 0,67 ha;

+ Cải tạo, nâng cấp đường dân sinh từ khu đầu giá trung tâm đi trường

mầm non trung tâm xã Hương Ngải: 0,15 ha;

+ Dự án tuyến đường vào Khu tái định cư Đại học Quốc gia Hà Nội: 0,83 ha;

+ Xây dựng tuyến đường cao tốc đại lộ Thăng Long, đoạn nối từ Quốc lộ 21 đến cao tốc Hà Nội- Hoà Bình: 3,1 ha;

+ Đường giao thông nông thôn xã Đồng Trúc (đoạn đôi Phe đi ao Đìa Hoi và đoạn ngã tư Trúc Động đi Đại Lộ Thăng Long): 0,8 ha;

+ Xây dựng, nâng cấp đường ĐH07 đoạn từ TL 419 đi đường ĐH05: 1,9 ha;

+ Cải tạo, nâng cấp đường từ ĐH 24 đi thôn 2 và thôn 5 đi CNC xã Hạ Bằng: 0,6 ha;

+ Nâng cấp, mở rộng đường ĐH.11 (Đoạn ĐH.06 đi cầu Cao Thiên) xã Cần Kiệm.: 0,465 ha;

+ Cải tạo, nâng cấp đường từ đường liên xã Cẩm Yên Đồng Trúc đến di tích miếu thờ xóm Vuột thôn Ngũ Sơn xã Lại Thượng: 0,05 ha;

+ Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thoát nước khu vực Trúc Động, Đồng Kho, Đồng Táng xã Đồng Trúc: 0,39 ha;

+ Xây dựng đường trục phát triển kinh tế xã hội Bắc Nam đoạn qua huyện Thạch Thất giai đoạn 2 từ Km10+770-km14+200 (Nghĩa trang Thạch Xá đến TL420): 4,8363 ha;

+ Xây dựng đường trục 42m kết nối từ đường vành đai du lịch Tuần Châu, huyện Quốc Oai đến đường tỉnh 419 (tỉnh lộ 80 cũ), huyện Thạch Thất: 3,91 ha;

+ Xây dựng mới đường ĐH08 (Đại lộ Thăng Long - ĐH.10-TL 420 Bình Yên): 9,3 ha;

+ Xây dựng đường từ đường E khu công nghệ cao Hoà Lạc đi Đại Lộ Thăng Long: 5,5 ha;

+ Cải tạo, nâng cấp đường từ ĐH 24 - UBND xã Hạ Bằng đi thôn 3 xã Hạ Bằng: 0,78 ha;

+ Nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới đường từ TL419 đi thôn Tây Trong đến thôn Hương Lam xã Đại Đồng: 1,35 ha;

+ Cải tạo nâng cấp đường Cửa Ngải - đồng Môi đi cầu Đồng Ngà xã Hương Ngải: 1,05 ha;

+ Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thoát nước khu vực Tam Cảnh xã Đồng Trúc: 1,2 ha;

+ Nạo vét kè Ao Giang (GĐ II) xã Đồng Trúc: 0,5 ha;

+ Xây dựng mới đường ĐH11 (đoạn từ ĐH10 Tân Xã đi 420 Bình Yên):

1,887 ha;

+ Xây dựng mới tuyến đường ĐH18 (đoạn từ TL419 cống Bùng đầu nối đường ĐH19): 1,962 ha;

+ Xây dựng, cải tạo nâng cấp tỉnh lộ 420 xã Hương Ngải đi Phụng Thượng Phúc Thọ: 2,94 ha;

+ Nâng cấp mở rộng ĐH05 (đoạn từ TL419-ĐH07): 1,55 ha;

+ Xây dựng, nâng cấp đường ĐH07 (đoạn từ đường ĐH 05 đi TL420): 3,25 ha;

+ Đường từ ĐT 419 (Phùng Xá) đi ĐT 420 (Dị Nậu): 1,962 ha;

+ Nâng cấp đường từ QL21 đi khu TĐC Đại học Quốc Gia: 1,15 ha;

+ Đường từ trục trung tâm xã Thạch Xá đi ĐH17 Bình Phú: 0,252 ha;

+ Nâng cấp mở rộng đường ĐH06 (Đoạn Kim Quan - Cần Kiệm): 1,55 ha.

e). Đất công trình năng lượng: Chỉ tiêu sử dụng đất cần thu hồi trong kế hoạch sử dụng đất là 5,57 ha để thực hiện các dự án:

+ Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Phúc Thọ 2 và nhánh rẽ: 0,23 ha;

+ Trạm biến áp 110kV Phú Cát và nhánh rẽ (Phần nhánh rẽ 110kV cấp điện cho TBA 110kV Phú Cát): 0,008 ha;

+ Xây dựng mới trạm biến áp 220/110kV Hòa Lạc và phần nối cấp 110/22kV: 1,75 ha;

+ Xây dựng mới Trạm 110kV Thạch Thất 2 và nhánh rẽ: 0,58 ha;

+ Xây dựng tuyến đường dây 220kV cấp điện chi trạm biến áp 220/110kV Hòa Lạc và các đường dây 110kV xuất tuyến: 3 ha.

f). Đất công trình thủy lợi: Chỉ tiêu sử dụng đất cần thu hồi trong kế hoạch sử dụng đất là 5,60 ha để thực hiện các dự án:

+ Kè chống sạt lở đê tả Tích xã Hạ Bằng: 0,25 ha;

+ Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu Tây Ninh - Ngòi Núc, huyện Thạch Thất: 2,54 ha;

+ Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu Phùng Xá - Dị Nậu, huyện Thạch Thất: 1,14 ha;

+ Nâng cấp hệ thống tiêu Bình Phú: 0,7 ha;

+ Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu Sắn (Phần Kênh và các công trình trên kênh) (QLDA): 0,02 ha;

+ Cải tạo kênh tiêu Lim và trạm bơm Lim huyện Thạch Thất: 0,95 ha.

g). Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao: Chỉ tiêu sử dụng đất cần thu hồi

trong kế hoạch sử dụng đất là 4,24 ha để thực hiện các dự án: Xây dựng sân thể thao xã Kim Quan; Xây dựng sân thể thao xã Lại Thượng.

h). Đất xây dựng cơ sở văn hóa: Chỉ tiêu sử dụng đất cần thu hồi trong kế hoạch sử dụng đất là 7,66 ha để thực hiện các dự án:

- + Xây dựng Trung tâm văn hoá xã Lại Thượng: 0,55 ha;
- + Xây dựng nhà văn hóa trung tâm, sân thể thao xã Tân Xã: 1,25 ha;
- + Xây dựng nhà văn hóa trung tâm, sân thể thao xã Đồng Trúc: 1,46 ha;
- + Xây dựng NVH trung tâm, mở rộng nâng cấp sân thể thao xã Phùng Xá: 0,765 ha;

- + Xây dựng Trung tâm văn hóa, sân thể thao xã Hạ Bằng: 0,6 ha;
- + Xây dựng nhà văn hóa trung tâm, sân thể thao xã Bình Yên: 0,81 ha;
- + Xây dựng nhà văn hóa trung tâm, sân thể thao xã Chàng Sơn: 0,75 ha;
- + Xây dựng nhà văn hóa trung tâm, sân thể thao xã Thạch Xá: 0,78 ha;
- + Xây dựng nhà văn hóa trung tâm, sân thể thao xã Cần Kiệm: 0,69 ha.

i). Đất xây dựng cơ sở y tế: Chỉ tiêu sử dụng đất cần thu hồi trong kế hoạch sử dụng đất là 1,98 ha để thực hiện các dự án:

- + Xây dựng mới phòng khám đa khoa Yên Bình: 0,12 ha;
- + Xây dựng mới Trạm y tế xã Tân Xã: 0,25 ha;
- + Xây dựng trạm y tế thị trấn Liên Quan: 0,105 ha;
- + Xây dựng Trạm y tế xã Phú Kim: 0,105 ha;
- + Dự án cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thất: 1,4 ha.

j). Đất có mặt nước chuyên dùng: Chỉ tiêu sử dụng đất cần thu hồi trong kế hoạch sử dụng đất là 1,98 ha để thực hiện các dự án: Cải tạo ao hồ xã Yên Bình, Yên Trung.

k). Đất nông nghiệp khác: Dự án thuộc trường hợp đầu thầu, lựa chọn nhà đầu tư, diện tích 21,92 ha để thực hiện dự án: Trồng cây dược liệu lâu năm kết hợp Trung tâm dưỡng lão sinh thái tại xã Cần Kiệm, huyện Thạch Thất.

l). Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt: Chỉ tiêu sử dụng đất cần thu hồi trong kế hoạch sử dụng đất là 9,11 ha để thực hiện các dự án:

- + Xây dựng nghĩa trang nhân dân xã Lại Thượng: 2,538 ha;
- + Xây dựng, mở rộng nghĩa trang Gò Thiểu, xóm Đông, xã Đồng Trúc: 1,15 ha;

- + Xây dựng, mở rộng nghĩa trang gò Khoáy xã Đồng Trúc: 1,6 ha;
- + Xây dựng nghĩa trang nhân dân thị trấn Liên Quan: 1,5 ha;
- + Xây dựng nghĩa trang nhân dân xã Phùng Xá: 0,5 ha;
- + Xây dựng, mở rộng nghĩa trang nhân dân Vai Đỏ xã Hạ Bằng: 0,4 ha;
- + Xây dựng, mở rộng nghĩa trang khu đồng Mép xã Chàng Sơn: 0,86 ha;
- + Xây dựng, chỉnh trang nghĩa trang nhân dân xã Kim Quan: 0,56 ha.

n). Đất ở: Chỉ tiêu sử dụng đất cần thu hồi trong kế hoạch sử dụng đất là 44,58 ha, gồm đất ở nông thôn và đất ở đô thị để thực hiện các dự án:

- + Xây dựng HTKT đấu giá quyền sử dụng đất tại khu Đồng Quân Kép, xã Canh Nậu: 0,9 ha;
- + Xây dựng HTKT đấu giá QSD đất tại thôn Mục Uyên 2, xã Tân Xã: 0,14 ha;
- + Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất tại khu trung tâm xã Hương Ngải: 3,25 ha;
- + Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất tại khu Đồng Thông, đồng bán, xã Chàng Sơn: 4,38 ha;
- + Xây dựng HTKT đấu giá QSD đất tại khu Đồi Phe xã Đồng Trúc: 0,71 ha;
- + Xây dựng HTKT khu đấu giá tại thôn 3 xã Hạ Bằng: 1,175 ha;
- + Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất tại Đồng Định xã Dị Nậu: 2,2 ha;
- + Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất tại khu Đồng Cam, thị trấn Liên Quan: 1,194 ha;
- + Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất thôn Bách Kim, xã Phú Kim: 0,45 ha;
- + Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất khu trung tâm xã Đại Đồng: 1,25 ha;
- + Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất khu dân cư mới xã Cẩm yên: 0,34 ha;
- + Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất tại khu Chăn Nuôi, xã Phùng Xá: 0,45 ha;
- + Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Phú Lễ , xã Cần kiệm: 2,65 ha;
- + Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất khu dân cư mới xã Bình Yên: 1,75 ha;
- + Xây dựng HTKT khu đất dịch vụ Sau Đình, Đồi Mới xã Tân Xã (phần

bổ sung): 0,34 ha;

- + Xây dựng khu tái định cư thị trấn Liên Quan: 3,2 ha;

- + Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá QSD đất để xây dựng khu dân cư mới tại khu Đồng Thông - Đồng Bán, xã Chàng Sơn, huyện Thạch Thất (GD2): 4,5 ha;

- + Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đấu giá quyền sử dụng đất khu dân cư mới xã Phùng Xá: 8,5 ha;

- + Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá QSD đất để xây dựng khu dân cư khu trung tâm xã Thạch Xá: 2,9 ha;

- + Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất tại trung tâm xã Cần Kiệm: 1,8 ha;

- + Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá QSD đất để xây dựng khu dân cư mới tại khu trục hành chính thị trấn Liên Quan, huyện Thạch Thất: 2,5 ha.

m). Đất cụm công nghiệp: Chỉ tiêu sử dụng đất cần thu hồi trong kế hoạch sử dụng đất là 27,88 ha để thực hiện các dự án:

- + Cụm công nghiệp làng nghề Chàng Sơn (giai đoạn 2): 4,88 ha;

- + Cụm công nghiệp Bình Phú I - Giai đoạn 2: 7,865 ha;

- + Cụm công nghiệp làng nghề Hữu Bằng: 15,135 ha.

e). Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Chỉ tiêu sử dụng đất cần thu hồi trong kế hoạch sử dụng đất là 2,35 ha để thực hiện các dự án:

- + Xây dựng mới trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Phùng Xá: 0,18 ha;

- + Xây dựng mới trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã Bình Yên: 0,19 ha;

- + Xây dựng mới trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã Hương Ngải: 0,16 ha;

- + Xây dựng trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã Cần Kiệm: 0,1186 ha;

- + Xây dựng mới trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã Phú Kim: 0,14 ha;

- + Xây dựng mới Ban chỉ huy quân sự xã Đại Đồng: 0,188 ha;

- + Xây dựng mới trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã Kim Quan: 0,17 ha;

- + Xây dựng mới trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã Đồng Trúc: 0,21 ha;

- + Xây dựng mới trụ sở Đảng uỷ - HĐND - UBND xã Đồng Trúc: 0,75 ha;

- + Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất: 0,24 ha.

3.2.3. Chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất không thuộc trường hợp thu hồi đất thực hiện trong năm kế hoạch sử dụng đất.

Chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất của các công trình, dự án không thu hồi đất được xác định trong kế hoạch sử dụng đất là: 46 dự án, tổng diện tích:

281,19, trong đó: 27 dự án chuyển tiếp; 19 dự án đăng ký mới. Cụ thể chỉ tiêu các loại đất như sau:

a). Đất an ninh: Chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu trong kế hoạch sử dụng đất là 1,38 ha để thực hiện các dự án:

- + Trụ sở công an xã Bình Phú: 0,12 ha;
- + Trụ sở công an xã Thạch Xá: 0,23 ha;
- + Trụ sở công an xã Dị Nậu: 0,18 ha;
- + Trụ sở công an xã Tiến Xuân: 0,34 ha;
- + Trụ sở công an xã Yên Bình: 0,34 ha;
- + Trụ sở công an xã Thạch Hòa: 0,12 ha;
- + Đầu tư công trình TB/09 - Bộ Công an: 0,05 ha.

b). Đất chợ: Chỉ tiêu nhu cầu đăng ký kế hoạch sử dụng đất là 0,68 ha, đất đã xong giải phóng mặt bằng, đăng ký để làm cơ sở giao đất cho dự án: Di chuyển, xây dựng điểm chợ Bùng, xã Phùng Xá.

c). Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: Chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu trong kế hoạch sử dụng đất là 53,30 ha để thực hiện các dự án:

- + Đầu tư xây dựng Trường Đại học Hòa Bình: 20 ha;
- + Xây mới 20 phòng học, phòng bộ môn, hiệu bộ, bếp, sân vườn, phụ trợ trường Mầm non Phú Kim: 1,37 ha;
- + Xây dựng Trường Tiểu học Hữu Bằng (xây điểm mới): 1,86 ha;
- + Trường THCS Hữu Bằng: 1,17 ha;
- + Trường mầm non trung tâm xã Hạ Bằng: 1,36 ha;
- + Mở rộng khuôn viên, xây dựng khu thể chất, bếp ăn, cải tạo nhà lớp học sân vườn, phụ trợ trường Tiểu học Hương Ngải: 0,4 ha;
- + Mở rộng DAXD Đại học quốc gia tại Hòa Lạc : 23,96 ha;
- + Xây dựng trường tiểu học Kim Quan: 1,64 ha;
- + Xây dựng mới trường Mầm non Lại Thượng: 1,54 ha.

d). Đất công trình giao thông: Chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu trong kế hoạch sử dụng đất là 1,64 ha để thực hiện các dự án: Cải tạo, nâng cấp đường trục chính xã Tân Xã (Đoạn từ đường liên xã Cẩm Yên - Đồng Trục đi thôn 8 Tân Xã); Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ gốc Đa thôn Nội xã Phú Kim đi TL419.

e). Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt công đồng: Chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu trong kế hoạch sử dụng đất là 1,94 ha để thực hiện các dự án: Cây xanh cách ly tiếp giáp phía Nam Đại Lộ Thăng Long.

f). Đất công trình thủy lợi: Chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu trong kế hoạch sử dụng đất là 0,3 ha để thực hiện các dự án: Nạo vét, cải tạo bờ ao Ủy ban, ao Cửa Chùa, ao Đình Yên, ao Muống, ao Đồng Sóng, ao Cá xã Thạch Xá.

g). Đất xây dựng cơ sở văn hóa: Chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu trong kế hoạch sử dụng đất là 2,71 ha để thực hiện các dự án: Xây dựng nhà văn hoá trung tâm, sân thể thao xã Đại Đồng.

h). Đất xây dựng cơ sở y tế: Chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu trong kế hoạch sử dụng đất là 0,4 ha để thực hiện các dự án: Xây dựng mới trạm y tế xã Cần Kiệm.

i). Đất ở: Chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu trong kế hoạch sử dụng đất là 8,68 ha để thực hiện các dự án: Xây dựng HTKT các khu đầu giá QSDĐ tại Mả Cỏ (X2) xã Thạch Xá; Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở Hòa Lạc.

k). Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu trong kế hoạch sử dụng đất là 38,71 ha để thực hiện các dự án: Dự án khu công nghệ cao Hòa Lạc (phần mở rộng); Đầu giá quyền sử dụng đất tại khu đất dịch vụ làng Vĩnh, xã Phùng Xá.

l). Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu trong kế hoạch sử dụng đất là 0,14 ha để thực hiện các dự án: Dự án xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Hạ Bằng.

n). Các dự án nằm trong Khu công nghệ cao Hòa Lạc: Chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu cần đăng ký vào kế hoạch sử dụng đất là 20 dự án, diện tích 94,95 ha, gồm các dự án trong khu công nghệ cao Hòa Lạc đã được Ban quản lý dự án giải phóng mặt bằng và cấp giấy chứng nhận đầu tư dự án.

3.2.4. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã năm 2025.

Trên cơ sở nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, các xã, thị trấn, cơ quan đơn vị trên địa bàn, UBND huyện đã tiến hành tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2025 huyện Thạch Thất và phân bổ đến các xã, thị trấn như sau:

Bảng tổng hợp cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2025

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích 2025 (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Đất nông nghiệp	NNP	10.185,93	54,32
1.1	Đất trồng lúa	LUA	5.050,92	26,93
1.2	Đất chuyên trồng lúa	LUC	4.734,30	25,25
1.3	Đất trồng lúa còn lại	LUK	316,62	1,69
1.4	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	717,16	3,82
1.5	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.438,08	7,67
1.6	Đất rừng đặc dụng	RDD	854,04	4,55
1.7	Đất rừng phòng hộ	RPH	-	-
1.8	Đất rừng sản xuất	RSX	1.635,92	8,72
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1.9	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	357,46	1,91
1.10	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	-	-
1.11	Đất làm muối	LMU	-	-
1.12	Đất nông nghiệp khác	NKH	132,36	0,71
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	8.546,34	45,57
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.966,90	10,49
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	41,35	0,22
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	66,25	0,35
2.4	Đất quốc phòng	CQP	1.249,95	6,67
2.5	Đất an ninh	CAN	95,25	0,51
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	1.366,25	7,29
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	24,39	0,13
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	0,19	0,00
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	8,64	0,05
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	992,47	5,29
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	62,47	0,33
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	272,44	1,45
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	-	-
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	-	-
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	5,65	0,03
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	850,25	4,53
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	359,90	1,92
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	132,09	0,70

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích 2025 (ha)	Cơ cấu (%)
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	-	-
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	108,60	0,58
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	238,59	1,27
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	11,08	0,06
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	2.273,89	12,13
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	1.705,97	9,10
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	271,38	1,45
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	-	-
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	-	-
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	71,86	0,38
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	7,28	0,04
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	8,38	0,04
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,83	0,00
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	8,76	0,05
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	199,44	1,06
2.9	Đất tôn giáo	TON	22,88	0,12
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	16,68	0,09
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	136,11	0,73
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	458,96	2,45
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	274,75	1,47
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	184,21	0,98
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,61	0,01
3	Đất chưa sử dụng	CSD	20,23	0,11
	Trong đó:		-	-
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	20,13	0,11
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	0,10	0,00
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS	-	-
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS	-	-

a). Đất nông nghiệp.

Đến năm 2025, diện tích đất nông nghiệp của huyện là 10.185,93 ha, diện tích giảm 308,33 ha so với hiện trạng năm 2024 (10.494,26 ha). Nhằm bảo vệ duy trì diện tích các loại đất trong đất nông nghiệp, trong đó chú trọng đất trồng lúa và đất rừng hiện có. Diện tích đất nông nghiệp năm 2025 được phân bổ trên địa bàn huyện như sau:

Diện tích đất nông nghiệp phân bổ trên địa bàn huyện như sau:

Thị trấn Liên Quan	189,23	ha	Xã Hữu Bằng	52,35	ha
Xã Bình Phú	305,05	ha	Xã Kim Quan	278,84	ha
Xã Bình Yên	610,17	ha	Xã Lại Thượng	600,83	ha
Xã Canh Nậu	349,73	ha	Xã Phú Kim	442,82	ha
Xã Cẩm Yên	301,43	ha	Xã Phùng Xá	155,81	ha
Xã Cầm Kiệm	432,27	ha	Xã Tân Xã	50,41	ha
Xã Chàng Sơn	146,85	ha	Xã Thạch Hoà	189,92	ha
Xã Dị Nậu	193,47	ha	Xã Thạch Xá	189,92	ha
Xã Đại Đồng	394,99	ha	Xã Tiến Xuân	1.620,31	ha
Xã Đồng Trúc	421,95	ha	Xã Yên Bình	1.374,63	ha
Xã Hạ Bằng	213,31	ha	Xã Yên Trung	1.321,48	ha
Xã Hương Ngải	345,65	ha			

- Đất trồng lúa: Năm 2025 đất trồng lúa của huyện là 5.050,92 ha, giảm 214,95 ha so với hiện trạng năm 2024 (5.265,87 ha).

Diện tích giảm do chuyển sang các mục đích sau: Đất ở tại nông thôn: 36,79 ha; Đất ở tại đô thị: 5,43 ha; Đất xây dựng trụ sở cơ quan : 2,91 ha; Đất an ninh: 2,9 ha; Đất xây dựng cơ sở văn hóa: 7,2 ha; Đất xây dựng cơ sở y tế: 1,99 ha; Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 30,02 ha; Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao: 4,24 ha; Đất cụm công nghiệp: 27,8 ha; Đất thương mại, dịch vụ: 1,27 ha; Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 1,29 ha; Đất công trình giao thông: 74,19 ha; Đất công trình thủy lợi: 5,35 ha; Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên: 0,4 ha; Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng : 4,99 ha; Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối : 0,36 ha; Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt : 7,82 ha.

Diện tích đất trồng lúa phân bố trên địa bàn huyện như sau:

Thị trấn Liên Quan	171,55	ha	Xã Hữu Bằng	52,35	ha
Xã Bình Phú	281,10	ha	Xã Kim Quan	189,85	ha
Xã Bình Yên	300,26	ha	Xã Lại Thượng	412,05	ha
Xã Canh Nậu	308,90	ha	Xã Phú Kim	236,19	ha
Xã Cẩm Yên	251,32	ha	Xã Phùng Xá	136,17	ha
Xã Càn Kiệm	305,65	ha	Xã Tân Xã	0,28	ha
Xã Chàng Sơn	145,41	ha	Xã Thạch Hoà	178,64	ha
Xã Dị Nậu	178,40	ha	Xã Thạch Xá	178,64	ha
Xã Đại Đồng	335,11	ha	Xã Tiến Xuân	312,62	ha
Xã Đồng Trục	299,76	ha	Xã Yên Bình	195,98	ha
Xã Hạ Bằng	176,30	ha	Xã Yên Trung	210,67	ha
Xã Hương Ngải	301,63	ha			

Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước năm 2025 huyện có là 4.734,30 ha, giảm 214,95 ha so với hiện trạng năm 2024.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Năm 2025, diện tích đất trồng cây hàng năm khác là 717,16 ha, giảm 32,12 ha so với hiện trạng năm 2024.

Diện tích giảm do chuyển sang các mục đích đất sau: Đất ở tại nông thôn: 0,1 ha; Đất ở tại đô thị: 1 ha; Đất an ninh: 15 ha; Đất công trình giao thông: 15,04 ha; Đất công trình thủy lợi: 0,8 ha; Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng : 0,08 ha; Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt : 0,1 ha.

Diện tích đất trồng cây hàng năm khác phân bố trên địa bàn huyện:

Thị trấn Liên Quan	0,63	ha	Xã Hữu Bằng	-	ha
Xã Bình Phú	2,30	ha	Xã Kim Quan	26,27	ha
Xã Bình Yên	206,24	ha	Xã Lại Thượng	74,68	ha
Xã Canh Nậu	20,96	ha	Xã Phú Kim	20,15	ha
Xã Cẩm Yên	13,30	ha	Xã Phùng Xá	5,91	ha
Xã Càn Kiệm	25,15	ha	Xã Tân Xã	0,99	ha
Xã Chàng Sơn	0,07	ha	Xã Thạch Hoà	0,09	ha
Xã Dị Nậu	-	ha	Xã Thạch Xá	0,09	ha
Xã Đại Đồng	0,01	ha	Xã Tiến Xuân	38,32	ha
Xã Đồng Trục	50,15	ha	Xã Yên Bình	119,17	ha
Xã Hạ Bằng	5,96	ha	Xã Yên Trung	34,22	ha
Xã Hương Ngải	2,71	ha			

- Đất trồng cây lâu năm: Năm 2025, đất trồng cây lâu năm là 1.438,08 ha, giảm 82,34 ha so với năm 2024.

Diện tích giảm do chuyển sang các mục đích sau: Đất nông nghiệp khác: 21,92 ha; Đất ở tại nông thôn: 1,1 ha; Đất ở tại đô thị: 0,82 ha; Đất xây dựng trụ sở cơ quan : 0,14 ha; Đất an ninh: 0,12 ha; Đất xây dựng cơ sở văn hóa: 0,46 ha; Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 3,5 ha; Đất thương mại, dịch vụ: 5 ha; Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 7,67 ha; Đất công trình giao thông: 39,6 ha; Đất công trình thủy lợi: 0,15 ha; Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên: 0,12 ha; Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng : 0,5 ha; Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt : 1,19 ha; Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá: 0,05 ha.

Diện tích đất trồng cây lâu năm phân bổ trên địa bàn huyện như sau:

Thị trấn Liên Quan	6,47	ha	Xã Hữu Bằng	-	ha
Xã Bình Phú	3,85	ha	Xã Kim Quan	35,28	ha
Xã Bình Yên	69,50	ha	Xã Lại Thượng	70,08	ha
Xã Canh Nậu	7,75	ha	Xã Phú Kim	130,05	ha
Xã Cẩm Yên	11,15	ha	Xã Phùng Xá	4,45	ha
Xã Cầm Kiệm	60,71	ha	Xã Tân Xã	44,82	ha
Xã Chàng Sơn	0,43	ha	Xã Thạch Hoà	8,39	ha
Xã Dị Nậu	3,88	ha	Xã Thạch Xá	8,39	ha
Xã Đại Đồng	0,24	ha	Xã Tiến Xuân	430,15	ha
Xã Đồng Trúc	46,15	ha	Xã Yên Bình	289,86	ha
Xã Hạ Bằng	23,38	ha	Xã Yên Trung	132,26	ha
Xã Hương Ngải	8,76	ha			

- Đất rừng đặc dụng: Năm 2025, diện tích đất rừng đặc dụng không thay đổi mục đích sử dụng là 854,04 ha so với hiện trạng năm 2024.

- Đất rừng sản xuất: Năm 2025, đất rừng sản xuất là 1.635,92 ha, diện tích không thay đổi so với hiện trạng sử dụng đất năm 2024.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Năm 2025, đất nuôi trồng thủy sản là 357,46 ha, giảm 0,84 ha so với năm 2024.

Diện tích giảm do chuyển sang các loại đất cụm công nghiệp và đất công trình giao thông.

- Đất nông nghiệp khác: Năm 2025, đất nông nghiệp khác là 132,36 ha, tăng 21,92 ha so với năm 2024. Diện tích tăng thực hiện dự án: Trồng cây dược

liệu lâu năm kết hợp Trung tâm dưỡng lão sinh thái tại xã Cần Kiệm, huyện Thạch Thất.

b). Đất phi nông nghiệp

Năm 2025, diện tích đất phi nông nghiệp của huyện là 8.546,34 ha, tăng 308,33 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2024. Diện tích đất phi nông nghiệp năm 2025 được phân bổ trên địa bàn huyện như sau:

Diện tích đất phi nông nghiệp phân bổ trên địa bàn huyện như sau:

Thị trấn Liên Quan	109,04	ha	Xã Hữu Bằng	136,32	ha
Xã Bình Phú	189,58	ha	Xã Kim Quan	173,16	ha
Xã Bình Yên	556,02	ha	Xã Lại Thượng	276,74	ha
Xã Canh Nậu	156,06	ha	Xã Phú Kim	179,15	ha
Xã Cẩm Yên	101,83	ha	Xã Phùng Xá	310,98	ha
Xã Cần Kiệm	285,32	ha	Xã Tân Xã	2.649,21	ha
Xã Chàng Sơn	127,33	ha	Xã Thạch Hoà	149,53	ha
Xã Dị Nậu	126,17	ha	Xã Thạch Xá	149,53	ha
Xã Đại Đồng	134,16	ha	Xã Tiến Xuân	546,26	ha
Xã Đồng Trúc	244,20	ha	Xã Yên Bình	587,76	ha
Xã Hạ Bằng	467,42	ha	Xã Yên Trung	238,86	ha
Xã Hương Ngải	134,07	ha			

- Đất ở tại nông thôn: Năm 2025 diện tích là 1.966,90 ha, tăng 37,99 ha so với năm 2024. Diện tích tăng được lấy từ các mục đích đất sau: Đất chuyên trồng lúa: 36,79 ha; Đất trồng cây hàng năm khác: 0,1 ha; Đất trồng cây lâu năm: 1,1 ha.

Diện tích đất ở nông thôn phân bổ trên địa bàn huyện:

Thị trấn Liên Quan	-	ha	Xã Hữu Bằng	32,25	ha
Xã Bình Phú	58,43	ha	Xã Kim Quan	65,04	ha
Xã Bình Yên	257,50	ha	Xã Lại Thượng	116,45	ha
Xã Canh Nậu	60,19	ha	Xã Phú Kim	95,96	ha
Xã Cẩm Yên	43,34	ha	Xã Phùng Xá	74,00	ha
Xã Cần Kiệm	118,70	ha	Xã Tân Xã	260,96	ha
Xã Chàng Sơn	37,05	ha	Xã Thạch Hoà	44,74	ha
Xã Dị Nậu	38,06	ha	Xã Thạch Xá	44,74	ha
Xã Đại Đồng	69,61	ha	Xã Tiến Xuân	124,54	ha
Xã Đồng Trúc	100,90	ha	Xã Yên Bình	75,32	ha
Xã Hạ Bằng	96,46	ha	Xã Yên Trung	39,63	ha
Xã Hương Ngải	56,87	ha			

- Đất ở tại đô thị: Năm 2025 diện tích là 41,35 ha, tăng 7,25 ha so với năm 2024. Diện tích tăng do lấy từ đất trồng lúa và đất trồng cây lâu để thực hiện dự án Tái định cư thị trấn Liên Quan.

- Đất trụ sở cơ quan: Năm 2025, diện tích đất công trình trụ sở là 66,25 ha, tăng 3,05 ha so với hiện trạng năm 2024. Diện tích tăng được lấy từ đất trồng lúa và đất trồng cây lâu năm để thực hiện dự án: Xây dựng mới trụ sở Đảng uỷ - HĐND - UBND xã Đại Đồng, xã Đồng Trúc, Viện kiểm sát nhân dân và trụ sở BCH quân sự các xã.

Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan phân bổ trên địa bàn huyện:

Thị trấn Liên Quan	6,73	ha	Xã Hữu Bằng	0,25	ha
Xã Bình Phú	0,40	ha	Xã Kim Quan	0,64	ha
Xã Bình Yên	1,67	ha	Xã Lại Thượng	0,24	ha
Xã Canh Nậu	0,65	ha	Xã Phú Kim	0,51	ha
Xã Cẩm Yên	0,26	ha	Xã Phùng Xá	0,69	ha
Xã Cần Kiệm	0,44	ha	Xã Tân Xã	26,82	ha
Xã Chàng Sơn	2,95	ha	Xã Thạch Hoà	0,53	ha
Xã Dị Nậu	0,94	ha	Xã Thạch Xá	0,53	ha
Xã Đại Đồng	0,60	ha	Xã Tiến Xuân	0,33	ha
Xã Đồng Trúc	1,28	ha	Xã Yên Bình	0,21	ha
Xã Hạ Bằng	0,53	ha	Xã Yên Trung	0,29	ha
Xã Hương Ngải	0,32	ha			

- Đất quốc phòng: Năm 2025, diện tích đất quốc phòng là 1.249,95 ha, không thay đổi so với hiện trạng sử dụng đất năm 2024.

- Đất an ninh: Năm 2025, diện tích đất an ninh là 95,25 ha, tăng 18,02 ha so với hiện trạng 2024. Diện tích tăng được lấy từ đất trồng lúa và đất trồng cây lâu năm; đất trồng cây hàng năm để thực hiện các dự án xây dựng trụ sở công an xã và dự án của cụm công nghiệp an ninh tại xã Bình Yên.

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: Năm 2025, diện tích đất là 1.366,25 ha, tăng 47,41 ha so với hiện trạng năm 2024.

Diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp phân bổ trên địa bàn huyện:

Thị trấn Liên Quan	7,56	ha	Xã Hữu Bằng	5,53	ha
Xã Bình Phú	12,82	ha	Xã Kim Quan	17,21	ha
Xã Bình Yên	27,21	ha	Xã Lại Thượng	8,49	ha
Xã Canh Nậu	7,35	ha	Xã Phú Kim	4,99	ha
Xã Cẩm Yên	2,34	ha	Xã Phùng Xá	7,07	ha

Xã Càn Kiệm	6,25	ha	Xã Tân Xã	814,07	ha
Xã Chàng Sơn	6,19	ha	Xã Thạch Hoà	3,96	ha
Xã Dị Nậu	6,39	ha	Xã Thạch Xá	3,96	ha
Xã Đại Đồng	4,82	ha	Xã Tiến Xuân	120,40	ha
Xã Đồng Trúc	4,38	ha	Xã Yên Bình	10,95	ha
Xã Hạ Bằng	39,78	ha	Xã Yên Trung	4,83	ha
Xã Hương Ngải	4,75	ha			

Cụ thể:

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa: Năm 2025 huyện là 24,39 ha, tăng 7,66 ha so với hiện trạng năm 2024.

+ Đất xây dựng cơ sở xã hội: Năm 2025 huyện là 0,19 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2024.

+ Đất xây dựng cơ sở y tế: Năm 2025 diện tích là 8,64 ha, tăng 1,99 ha so với hiện trạng năm 2024.

+ Đất cơ sở giáo dục: Năm 2025 là 992,47 ha, tăng 33,52 ha so với hiện trạng năm 2024.

+ Đất cơ sở thể dục thể thao: Năm 2025 là 62,47 ha, tăng 4,24 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2024.

+ Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ: Năm 2025 là 272,44 ha, diện tích không thay đổi so với hiện trạng sử dụng đất năm 2024.

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác: Năm 2025 là 5,65 ha, diện tích không thay đổi so với hiện trạng sử dụng đất năm 2024.

- Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp: Năm 2025, diện tích đất là 850,25 ha, tăng 34,12 ha so với hiện trạng năm 2024.

Diện tích đất xây sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp phân bổ

Thị trấn Liên Quan	0,63	ha	Xã Hữu Bằng	64,80	ha
Xã Bình Phú	32,38	ha	Xã Kim Quan	8,92	ha
Xã Bình Yên	5,42	ha	Xã Lại Thượng	3,59	ha
Xã Canh Nậu	13,04	ha	Xã Phú Kim	1,64	ha
Xã Cẩm Yên	10,50	ha	Xã Phùng Xá	133,36	ha
Xã Càn Kiệm	0,03	ha	Xã Tân Xã	248,40	ha
Xã Chàng Sơn	17,20	ha	Xã Thạch Hoà	12,33	ha
Xã Dị Nậu	11,35	ha	Xã Thạch Xá	12,33	ha

Xã Đại Đồng	3,99	ha	Xã Tiến Xuân	41,99	ha
Xã Đồng Trúc	10,31	ha	Xã Yên Bình	6,35	ha
Xã Hạ Bằng	150,38	ha	Xã Yên Trung	5,65	ha
Xã Hương Ngải	2,66	ha			

Cụ thể:

+ Đất khu công nghiệp: Năm 2025 diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng là 359,90 ha so với hiện trạng năm 2024.

+ Đất cụm công nghiệp: Năm 2025, diện tích đất cụm công nghiệp là 132,09 ha, tăng 27,89 ha so với hiện trạng 2024. Diện tích tăng được lấy vào đất trồng lúa để thực hiện các cụm sau: Cụm công nghiệp làng nghề Chàng Sơn (giai đoạn 2); Cụm công nghiệp làng nghề Hữu Bằng; Cụm công nghiệp Bình Phú I - Giai đoạn 2.

+ Đất thương mại – dịch vụ: Năm 2025, diện tích đất có là 108,60 ha, tăng 6,27 ha so với hiện trạng năm 2024. Diện tích tăng do thực hiện dự án cửa hàng xăng dầu tại xã Yên Trung, xã Đại Đồng, xã Hương Ngải và Dự án Khu du lịch sinh thái Tax – Resort.

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Diện tích đến năm 2025 là 238,59 ha, diện tích tăng 8,96 ha so với hiện trạng năm 2024.

+ Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: Diện tích đến năm 2025 là 11,08 ha, diện tích không thay đổi so với hiện trạng năm 2024.

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: Năm 2025 diện tích đất phát triển hạ tầng là 2.273,89 ha, tăng 142,54 ha so với năm 2024. Cụ thể:

Diện tích đất công cộng phân bổ trên địa bàn huyện

Thị trấn Liên Quan	41,97	ha	Xã Hữu Bằng	28,20	ha
Xã Bình Phú	77,78	ha	Xã Kim Quan	61,79	ha
Xã Bình Yên	121,50	ha	Xã Lại Thượng	103,80	ha
Xã Canh Nậu	68,76	ha	Xã Phú Kim	62,76	ha
Xã Cẩm Yên	36,69	ha	Xã Phùng Xá	77,90	ha
Xã Cần Kiệm	80,11	ha	Xã Tân Xã	537,53	ha
Xã Chàng Sơn	32,22	ha	Xã Thạch Hoà	46,35	ha
Xã Dị Nậu	62,92	ha	Xã Thạch Xá	46,35	ha
Xã Đại Đồng	51,56	ha	Xã Tiến Xuân	97,14	ha
Xã Đồng Trúc	91,99	ha	Xã Yên Bình	124,37	ha
Xã Hạ Bằng	136,88	ha	Xã Yên Trung	151,38	ha
Xã Hương Ngải	55,84	ha			

Trong đó:

+ Đất giao thông: Năm 2025 diện tích đất giao thông của huyện là 1.705,97 ha, tăng 129,79 ha so với hiện trạng năm 2024.

Diện tích đất phát triển giao thông phân bổ trên địa bàn huyện

Thị trấn Liên Quan	30,52	ha	Xã Hữu Bằng	24,11	ha
Xã Bình Phú	63,92	ha	Xã Kim Quan	53,69	ha
Xã Bình Yên	113,97	ha	Xã Lại Thượng	83,32	ha
Xã Canh Nậu	50,96	ha	Xã Phú Kim	41,48	ha
Xã Cẩm Yên	26,52	ha	Xã Phùng Xá	64,16	ha
Xã Càn Kiệm	68,49	ha	Xã Tân Xã	387,90	ha
Xã Chàng Sơn	24,85	ha	Xã Thạch Hoà	34,03	ha
Xã Dị Nậu	45,17	ha	Xã Thạch Xá	34,03	ha
Xã Đại Đồng	39,38	ha	Xã Tiến Xuân	70,69	ha
Xã Đồng Trúc	82,71	ha	Xã Yên Bình	100,86	ha
Xã Hạ Bằng	82,34	ha	Xã Yên Trung	75,19	ha
Xã Hương Ngải	48,87	ha			

+ Đất thủy lợi: Năm 2025 là 271,38 ha, tăng 6,3 ha so với hiện trạng năm 2024.

+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên: Năm 2025 diện tích đất có di tích lịch sử văn hóa là 71,86 ha, tăng 0,52 ha so với hiện trạng năm 2024.

+ Đất công trình xử lý chất thải: Năm 2025 diện tích đất là 7,28 ha, diện tích không thay đổi so với hiện trạng sử dụng đất năm 2024.

+Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng: Năm 2025 là 8,38 ha, tăng 5,57 ha so với hiện trạng năm 2024.

+ Đất công trình bưu chính viễn thông: Năm 2025 huyện là 0,83 ha, diện tích không thay đổi so với hiện trạng năm 2024.

+ Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối: Diện tích năm 2025 là 8,76 ha, tăng 0,36 ha so với hiện trạng năm 2024. Diện tích tăng để thực hiện xây dựng, cải tạo chợ nông thôn xã Yên Trung.

+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: Diện tích năm 2025 là 199,44 ha, diện tích không thay so với hiện trạng năm 2024.

- Đất tôn giáo: Năm 2025 là 22,88 ha, diện tích không thay đổi so với hiện trạng sử dụng đất năm 2024.

- Đất tín ngưỡng: Năm 2025, diện tích đất cơ sở tín ngưỡng không thay đổi mục đích sử dụng là 16,68 ha so với hiện trạng năm 2024.

- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt: Diện tích năm 2025 là 136,11 ha, tăng 9,11 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2024. Diện tích tăng được lấy từ đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm và đất trồng cây lâu năm.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Diện tích năm 2025 là 458,96 ha, giảm 0,16 ha đổi so với hiện trạng năm 2023. Diện tích giảm do chuyển sang đất công trình giao thông.

- Đất phi nông nghiệp khác: Năm 2025 là 1,61 ha, diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng năm 2024.

c). Đất chưa sử dụng

Năm 2025, diện tích đất chưa sử dụng của huyện là 20,23 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2024. Diện tích đất chưa sử dụng giảm do chuyển sang mục đích đất phi nông nghiệp.

Diện tích đất chưa sử dụng phân bổ trên địa bàn các xã, thị trấn như sau:

Thị trấn Liên Quan	-	ha	Xã Hữu Bằng	-	ha
Xã Bình Phú	0,20	ha	Xã Kim Quan	7,71	ha
Xã Bình Yên	2,60	ha	Xã Lại Thượng	0,79	ha
Xã Canh Nậu	0,02	ha	Xã Phú Kim	2,67	ha
Xã Cẩm Yên	-	ha	Xã Phùng Xá	0,01	ha
Xã Càn Kiệm	1,41	ha	Xã Tân Xã	-	ha
Xã Chàng Sơn	-	ha	Xã Thạch Hoà	0,10	ha
Xã Dị Nậu	-	ha	Xã Thạch Xá	0,10	ha
Xã Đại Đồng	-	ha	Xã Tiến Xuân	1,64	ha
Xã Đồng Trúc	0,23	ha	Xã Yên Bình	0,68	ha
Xã Hạ Bằng	-	ha	Xã Yên Trung	1,88	ha
Xã Hương Ngải	-	ha			

3.4. Diện tích đất cần chuyển mục đích trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

Để thực hiện được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng. Năm 2025 huyện cần chuyển 330,25 ha đất nông nghiệp sang mục đích phi nông nghiệp và chuyển trong nội bộ đất nông nghiệp là 21,92 ha, cụ thể như sau:

- Đất trồng lúa: Diện tích đất trồng lúa của huyện trong năm kế hoạch 2025 chuyển sang đất phi nông nghiệp là 214,95 ha.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Diện tích đất trồng cây hàng năm khác của huyện trong năm kế hoạch 2025 chuyển sang đất phi nông nghiệp là 32,12 ha.

- Đất trồng cây lâu năm: Diện tích đất trồng cây lâu năm của huyện trong năm kế hoạch chuyển sang đất phi nông nghiệp là 60,42 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất phi nông nghiệp: 0,84 ha.

- Chuyển đổi cơ cấu trong nội bộ đất nông nghiệp: 21,92 ha.

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Chuyển đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	330,25
-	<i>Trong đó:</i>		
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	214,95
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	32,12
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	60,42
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	-
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	-
-	<i>Trong đó: đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,84
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT/PNN	-
1.9	Đất làm muối	LMU/PNN	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	-
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		21,92
-	<i>Trong đó:</i>		
2.1	Chuyển đất trồng lúa sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	LUA/NNP	-
2.2	Chuyển đất rừng đặc dụng sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RDD/NNP	-
2.3	Chuyển đất rừng phòng hộ sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RPH/NNP	-
2.4	Chuyển đất rừng sản xuất sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RSX/NNP	-
3	Chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập trung khi thực hiện các dự án chăn nuôi tập trung quy mô lớn	MHT/CNT	-
4	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp		0,21
-	<i>Trong đó:</i>		

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
4.1	Chuyển đất phi nông nghiệp được quy định tại Điều 118 Luật Đất đai sang các loại đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 119 hoặc Điều 120 Luật Đất đai	MHT/PNC	-
4.2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	MHT/OTC	-
4.3	Chuyển đất xây dựng công trình sự nghiệp sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT/CSK	-
4.4	Chuyển đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT/CSK	-
4.5	Chuyển đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại, dịch vụ sang đất thương mại, dịch vụ	MHT/TMD	-

(Chi tiết đến từng xã tại biểu 20/CH)

3.5. Diện tích đất cần thu hồi trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

Trong năm kế hoạch, tổng diện tích đất cần thu hồi trên địa bàn huyện Thạch Thất là 330,46 ha.

- Đất nông nghiệp: Diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch 330,25 ha, bao gồm:

- + Thu hồi đất trồng lúa: 214,95 ha;
- + Thu hồi đất trồng cây hàng năm khác: 32,12 ha;
- + Thu hồi đất trồng cây lâu năm: 82,34 ha;
- + Thu hồi đất nuôi trồng thủy sản: 0,84 ha.

- Đất phi nông nghiệp: Diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 0,21 ha.

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất nông nghiệp	NNP	330,25
1.1	Đất trồng lúa	LUA	214,95
1.2	Đất chuyên trồng lúa	LUC	214,95
1.4	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	32,12
1.5	Đất trồng cây lâu năm	CLN	82,34
1.9	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,84
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	0,21
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	0,21

3.6. Danh mục công trình dự án trong năm kế hoạch năm 2025.

Căn cứ vào hướng dẫn của Sở Tài Nguyên và Môi trường Hà Nội, UBND huyện Thạch Thất đã tiến hành rà soát, lập Danh mục các công trình, dự án trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của Huyện với tổng số công trình, dự án đăng ký thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là: 192 công trình, dự án, với tổng diện tích 1.089,65 ha, trong đó:

- Các dự án nằm trong Nghị quyết số 69/NQ - HĐND ngày 12/12/2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Thông qua danh mục các công trình, dự án thu hồi đất năm 2025; danh mục các dự án chuyển mục đích đất trồng lúa là 131 dự án.

- Các công trình, dự án không nằm trong Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của HĐND Thành phố thông qua là 60 dự án.

(Chi tiết các công trình, dự án thể hiện tại Biểu 25/CH)

3.7. Dự kiến các khoản thu chi liên quan đến đất đai trong năm 2025

Căn cứ quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về giá đất như sau:

- *Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất;*

- *Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

- Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Quyết định số 20/2023/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội;

- Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định về giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2024;

- Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định về giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 20/2023/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội.

Giá các loại đất áp dụng để tính toán như sau:

+ Giá đất trồng lúa: bình quân 135.000 đồng/m² (Bảng số 01)
 + Giá đất trồng cây hàng năm: bình quân 135.000 đồng/m² (Bảng số 01)
 + Giá đất trồng cây lâu năm: bình quân 158.000 đồng/m² (Bảng số 02)
 + Giá đất nuôi trồng thủy sản: bình quân 135.000 đồng/m² (Bảng số 03)
 + Giá đất ở đô thị: bình quân 11.040.500 đồng/m² (Phụ lục 26/QĐ71)
 + Giá đất ở nông thôn: bình quân 8.999.500 đồng/m² (Phụ lục 26/QĐ71)
 + Giá đất thương mại – dịch vụ: bình quân 3.916.500 đồng/m² (Phụ lục 26/QĐ71)

+ Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại – dịch vụ: bình quân 2.537.500 đồng/m² (Phụ lục 26/QĐ71).

- Ước tính các khoản chi

Ước tính các khoản chi phí để bồi thường thu hồi đất, hỗ trợ chuyển mục đích sử dụng đất là: 491.776 triệu đồng, bao gồm các hạng mục sau:

TT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Giá (đồng/m ²)	Thành tiền (triệu đồng)
I	Các khoản chi			491.776
1	Chi bồi thường			464.776
1.1	Đất trồng lúa	214,95	135.000	290.183
1.2	Đất trồng cây hàng năm	32,12	135.000	43.362
1.3	Đất trồng cây lâu năm	82,34	158.000	130.097
1.4	Đất lâm nghiệp		60.000	0
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	0,84	135.000	1.134
2	Chi hỗ trợ di dời, tái định cư	15	180.000	27.000

- Ước tính các thu từ đất.

Ước tính Các khoản thu từ đất bao gồm: thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; thu từ tiền sử dụng đất, các khoản thuế, phí và lệ phí liên quan đến đất đai, bao gồm các hạng mục sau:

TT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Giá (đồng/m ²)	Thành tiền (triệu đồng)
II	Thu giao đất, cho thuê đất			5.222.243
1	Thu từ giao đất cho thuê đất			5.172.243
1.1	Đất ở tại đô thị	7,25	11.040.500	800.436
1.2	Đất ở tại nông thôn	37,99	8.999.500	3.418.910
1.3	Đất cụm công nghiệp	27,89	2.537.500	707.709
1.4	Đất thương mại - dịch vụ	6,27	3.910.500	245.188
2	Thu tiền từ chuyển mục đích, thuê trước bạ, thuế chuyển quyền được ước tính trên cơ sở từ các năm thu trước			50.000

Phần thứ tư

GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu.

- Thực hiện thu gom, xử lý chất thải ở các khu khai thác khoáng sản, các cơ sở công nghiệp, các khu dân cư tập trung, đảm bảo chất thải phải được xử lý trước khi thải ra môi trường, tránh gây ô nhiễm và huỷ hoại môi trường.

- Trong quá trình sản xuất có chế độ đầu tư hợp lý với từng loại đất, loại cây trồng để nâng cao độ phì đất sản xuất nông nghiệp, tái tạo lại cảnh quan, lớp che phủ bề mặt đất khai thác khoáng sản sau khai thác..., nhằm giảm thiểu những tác động xấu đến môi trường đất đai, không khí, nguồn nước để sử dụng đất bền vững.

- Nghiêm cấm việc san lấp, xây dựng lấn chiếm kênh, mương, sông, ngòi; Khi tổ chức phê duyệt đối với các dự án xây dựng khu nhà ở đặc biệt phải dành quỹ đất để xây dựng công viên cây xanh kết hợp thể dục thể thao.

- Thực hiện đầu tư các công trình thủy lợi trên cơ sở quy hoạch nông thôn mới, quy hoạch cơ sở hạ tầng.

- Di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có nguồn ô nhiễm nặng xen kẽ trong khu dân cư vào các khu công nghiệp tập trung.

- Tập trung ưu tiên ứng dụng các thành tựu công nghệ mới, đặc biệt là công nghệ sinh học, ứng dụng đưa vào sản xuất những giống cây trồng mới có năng suất, chất lượng cao và có giá trị kinh tế phù hợp với điều kiện địa phương để khai thác tốt quỹ đất trồng lúa.

- Đẩy mạnh việc khoanh nuôi, bảo vệ, trồng mới rừng, phủ xanh đất trống đồi núi trọc, nâng cao hệ số che phủ, phục hồi và trồng cây xanh phân tán trong các khu vực phát triển đô thị, khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế...

- Xây dựng chương trình quản lý và bảo vệ môi trường một cách đồng bộ có hiệu quả. Giáo dục ý thức về bảo vệ môi trường trong nhân dân, trong các đơn vị đến việc xây dựng các tiêu chuẩn, qui định và các phương tiện để quản lý và kiểm soát môi trường mà trọng tâm là các khu vực sản xuất nông nghiệp gần các khu công nghiệp, các đô thị mới.

- Thực hiện tốt Luật Môi trường, khuyến khích các hoạt động bảo vệ môi trường, xử lý nghiêm các hành vi huỷ hoại hoặc gây ô nhiễm môi trường, nhất là ở các khu vực đô thị, khu, cụm công nghiệp, làng nghề, khu dân cư tập trung, khu vui chơi giải trí, du lịch, bệnh viện, bến xe...

- Các dự án thực hiện nghiêm theo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Cân đối xác định các nguồn vốn để thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đảm bảo tính khả thi của kế hoạch sử dụng đất.

- Rà soát, đánh giá đúng các đối tượng sử dụng đất, đặc biệt là các đối tượng thuê đất. Tiếp tục rà soát tăng cường quản lý về đất đai đối với các tổ chức, cá nhân thuê đất để tránh thất thu.

- Khuyến khích đầu tư theo hình thức xã hội hóa nhằm giảm áp lực cho nguồn ngân sách Nhà nước.

Nhu cầu vốn đầu tư để thực hiện quy hoạch là rất lớn. Để đáp ứng, cùng với nguồn vốn đầu tư từ ngân sách địa phương, vốn đầu tư của các Bộ, ngành Trung ương, Thành phố trên địa bàn, vốn tín dụng của các ngân hàng, trong đó có tín dụng ưu đãi của Ngân hàng Chính sách xã hội, phải đặc biệt chú trọng các nguồn vốn của khu vực tư nhân, dân cư, vốn của các nhà đầu tư nước ngoài.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; các chương trình, dự án ngân sách Trung ương hỗ trợ theo mục tiêu cho ngân sách địa phương; các nguồn vốn do các Bộ Ngành ở Trung ương thực, Thành phố hiện trên địa bàn; các chương trình, dự án sử dụng vốn nước ngoài.

- Thực hiện chính sách khai thác quỹ đất một cách hợp lý, phát huy tiềm năng; tăng cường thực hiện các dự án đấu giá đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất nhằm tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

- Thực hiện có hiệu quả công tác phát triển quỹ đất, chọn những vị trí có khả năng tạo giá trị kinh tế cao, hấp dẫn đầu tư để tiến hành bồi thường tạo quỹ đất sạch và tổ chức đấu giá nhằm điều tiết giá trị gia tăng từ đất, lấy vốn để đầu tư lại các công trình hạ tầng.

- Nguồn thu từ đất được sử dụng một phần thỏa đáng để nhằm thực hiện các công tác quản lý sử dụng đất.

- Tập trung huy động các nguồn vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình, dự án từ các nguồn vốn ngân sách, vốn của các doanh nghiệp, vốn liên doanh liên kết, vốn đầu tư nước ngoài, vốn tự có của nhân dân.

- Thực hiện tốt kế hoạch sử dụng đất, tiến hành lập, phê duyệt quy hoạch chi tiết các khu đô thị, khu công nghiệp; thông qua quy hoạch, tạo quỹ đất để có thêm nguồn vốn cho xây dựng kết cấu hạ tầng ở các khu vực này.

- Tăng cường công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho nhân dân vùng bị thu hồi đất.

- Củng cố bộ máy và nâng cao năng lực cán bộ làm công tác quản lý sử dụng đất đai.

- Nguồn nhân lực là yếu tố quyết định đối với quá trình chuyển đổi cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế của huyện theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Quan điểm chỉ đạo trong phát triển nguồn nhân lực là kết hợp đào tạo, phát triển nguồn nhân lực tại địa phương với kêu gọi, thu hút lực lượng lao động chất lượng cao từ bên ngoài để đáp ứng nhu cầu phát triển trong hiện tại cũng như sau này, nhất là nhu cầu nguồn nhân lực của các ngành đòi hỏi hàm lượng tri thức cao như công nghệ sinh học, vật liệu mới, công nghệ môi trường, thông tin - truyền thông, năng lượng,...

- Có chính sách hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho công tác đào tạo, bao gồm: đào tạo nghề cho người lao động; đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý, ngoại ngữ tin học, đào tạo sau đại học cho đội ngũ cán bộ; đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về quản lý kinh tế, quản trị kinh doanh cho lực lượng lao động trong các doanh nghiệp. Có chính sách hỗ trợ, khuyến khích chuyển đổi lao động từ nông nghiệp sang các ngành nghề khác.

4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- Tăng cường công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về công tác quản lý, sử dụng đất đai đến rộng rãi người dân. Tuyên truyền, phổ biến công khai rộng rãi phương án kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Đẩy nhanh tiến độ thi công thực hiện các dự án công trình, nhất là các dự án công trình trọng điểm đang triển khai có thể sớm hoàn thành và đưa vào sử dụng; đồng thời tập trung hoàn tất công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để thu hồi đất thực hiện các dự án trên địa bàn Huyện.

- Triển khai và thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực của chủ đầu tư, trách nhiệm của cơ quan giám sát trong việc thực hiện các dự án, công trình; nâng cao chất lượng công trình thông qua quản lý đấu thầu theo quy định nhằm lựa chọn những đơn vị tư vấn, nhà thầu thi công xây dựng có uy tín, có năng lực và kinh nghiệm cao.

- Tổ chức công bố công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện (đã được UBND thành phố phê duyệt) theo quy định của luật đất đai năm 2024, để nhân dân, các doanh nghiệp, cơ quan tổ chức xã hội được biết và tham gia thực hiện.

- Tổ chức tốt việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất từ cấp, giao chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất đến từng xã, thị trấn và các ngành để tổ chức thực hiện.

- Khi thực hiện thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phải căn cứ vào kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Tổ chức tốt công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

- Tổ chức tốt việc huy động vốn và các nguồn lực cho việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất, xử lý kịp thời các vi phạm pháp luật về đất đai nói chung và kế hoạch sử dụng đất nói riêng.

- Đối với các dự án đã có quyết định phê duyệt, quyết định đầu tư, dự án kêu gọi đầu tư cần phải công bố rộng rãi để người dân được biết và thực hiện nghĩa vụ cũng như quyền lợi của mình.

- Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật đất đai để người dân nắm vững, sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Thạch Thất được xây dựng dựa trên cơ sở đánh giá thực trạng sử dụng đất, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong thời gian qua và những tiềm năng hiện có về tài nguyên thiên nhiên, con người cũng như định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện và các ngành trong năm 2025.

Kết quả thực hiện các công trình, dự án thể hiện được chiến lược sử dụng đất một cách hiệu quả và có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, quốc phòng an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái của huyện cả trước mắt cũng như lâu dài. Đồng thời là công cụ quan trọng để thực hiện đầy đủ các chủ trương, chính sách của Nhà nước và thống nhất quản lý toàn bộ đất đai theo quy hoạch và pháp luật.

Một trong những ưu điểm của kế hoạch sử dụng đất huyện Thạch Thất là đã xử lý, tổng hợp được hầu hết các thông tin quy hoạch liên quan đến địa phương, trên cơ sở cân đối hài hoà cả mặt định tính và định lượng giữa các nhu cầu và khả năng đáp ứng về đất đai, điều hoà được quan hệ sử dụng đất trong phát triển kinh tế.

Giá trị kinh tế - xã hội của kế hoạch sử dụng đất được thể hiện ở một số mặt sau:

- Phân bố, khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai, tạo điều kiện thuận lợi để đảm bảo yêu cầu giữ vững quốc phòng an ninh và phát triển đồng bộ các ngành kinh tế.

- Hiệu quả sử dụng đất được nâng cao với sự chuyển dịch cơ cấu đất đai hợp lý, các loại đất phi nông nghiệp, đất ở, đất nông nghiệp.

- Xuất phát từ các góc độ nhìn về đất đai để bố trí cơ cấu sử dụng đất, cho thấy kế hoạch sử dụng đất của huyện là phù hợp và sát với điều kiện thực tiễn.

- + Phát triển đất khu đô thị và đất ở được cân nhắc cho từng khu vực, đảm bảo phù hợp với điều kiện đặc thù của địa phương.

- + Các loại đất chuyên dùng khác được xem xét và tính toán cho mọi loại đất từ đất xây dựng, giao thông, thủy lợi đến đất nghĩa trang, nghĩa địa... trên cơ sở đáp ứng đủ nhu cầu phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của cả giai đoạn, đảm bảo tính hợp lý và tiết kiệm đất.

2. Kiến nghị

- Đề nghị UBND thành phố, các sở, ban, ngành có chính sách đầu tư thỏa đáng tạo điều kiện cho Thạch Thất phát huy tiềm năng nội lực, tranh thủ nguồn đầu tư từ bên ngoài nhằm thực hiện tốt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện nói chung, sự chuyển dịch cơ cấu các loại đất nói riêng theo quan điểm sử dụng đất đầy đủ, tiết kiệm, hiệu quả, đảm bảo thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra và ngày càng nâng cao đời sống nhân dân.

- Để thực hiện tốt kế hoạch sử dụng đất huyện Thạch Thất năm 2025, cần phải thực hiện tốt các mặt sau:

+ Tăng cường sự phối hợp giữa kế hoạch phát triển kinh tế, đầu tư hạ tầng kỹ thuật với kế hoạch sử dụng đất qua các giai đoạn và hàng năm để nâng cao tính thực tiễn, hiệu quả sử dụng đất. Đưa các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất vào hệ thống chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện và của thành phố.

+ Nghiên cứu, đề xuất các chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng sử dụng đất, khuyến khích đầu tư phát triển kinh tế - xã hội theo nguyên tắc: tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ tài nguyên đất và môi trường sinh thái. Đặc biệt cần quan tâm đến các chính sách ưu tiên phát triển tiểu thủ công nghiệp, các ngành dịch vụ, các chính sách đền bù thỏa đáng, kịp thời đối với đất đai cần thu hồi.

+ Đầu tư đồng bộ kết hợp xây dựng cơ sở hạ tầng với phát triển kinh tế; ưu tiên dành đất cho các nhu cầu bắt buộc nhằm phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh trên cơ sở ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sử dụng đất bền vững.